

Số: 133/25-XL/HSMT

Ngày: 30/06/2025

“THỎA THUẬN”
“СОГЛАСОВАНО”

“PHÊ DUYỆT”
“УТВЕРЖДАЮ”

Phó Giám Đốc Vật tư
Заместитель Директора ПСОРОНГД

Giám Đốc XNXLKS&SC
Директор ПСОРОНГД

Signed by: Phạm Thanh Bình
Date: 01/07/2025 20:43:09
Certified by: Vietsovetro CA

ЕЛКИН И.А
Vũng Tàu, ngày tháng năm 2025

PHẠM THANH BÌNH
Vũng Tàu, ngày tháng năm 2025

Phó Giám Đốc Dịch Vụ
Заместитель Директора ПСОРОНГД

Chánh Kỹ Sư
Главный инженер ПСОРОНГД

Signed by: Lê Quốc Anh
Date: 01/07/2025 18:15:59
Certified by: Vietsovetro CA

Signed by: Багнюков Алексей
Юрьевич
Date: 01.07.2025 18:19:22
Certified by: Vietsovetro CA

LÊ QUỐC ANH
Vũng Tàu, ngày tháng năm 2025

БАГНЮКОВ А. Ю
Vũng Tàu, ngày tháng năm 2025

HỒ SƠ MỜI THẦU

ДОКУМЕНТЫ ПРИГЛАШЕНИЯ НА ТЕНДЕР

Gói thầu: Vật tư tiêu hao (đá mài, đá cắt, vật tư phụ khác)
На приобретение: Расходные материалы

Loại gói thầu: Mua sắm hàng hóa

Вид тендерного пакета: на приобретение товаров

Dự án/ Dự án/ Проект: DAI HUNG NAM PROJECT, DAI HUNG FIELD DEVELOPMENT, BLOCK 05.1(A), OFFSHORE VIETNAM

Đơn hàng số/Zаявка №: DVN-VT-2357/25-XL-TTH-MAITTT.TM

I. DANH MỤC HỒ SƠ MỜI THẦU TRÌNH PHÊ DUYỆT/ ТЕНДЕРНЫЕ ДОКУМЕНТЫ:

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU / Часть 1 – Оформление тендера

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu / Глава I. Инструкции для тендера

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu / Глава II. Информация тендера

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu / Глава III. Критерии оценки тендерных предложений

Chương IV. Biểu mẫu dự thầu / Глава IV. Форма тарифов

Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP / Часть 2. Требование об установке.

Chương V. Yêu cầu về phạm vi cung cấp / Глава V. Требование об установке

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG/ Часть 3. Условие и формы контракта.

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng / Глава VI. Общее условие контракта.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng / Глава VII. Конкретное условие контракта.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng / Глава VIII. Форма контракта.

II. DANH MỤC TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐÍNH KÈM/ ПРИЛОЖЕНИЕ:

1. Đơn hàng số/ Заявки №: DVN-VT-2357/25-XL-TTH-MAITTT.TM
2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt/План выбора подрядчика, утвержденный от.

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT (trên Hệ thống):

DVN-VT-2357/25-XL-TTH-MAITTT.TM

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Vật tư tiêu hao (đá mài, đá cắt, vật tư phụ khác)

Dự án (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

DAI HUNG NAM PROJECT, DAI HUNG FIELD DEVELOPMENT, BLOCK 05.1(A), OFFSHORE VIETNAM

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):



MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều Kiện Chung Của Hợp Đồng

Chương VII. Điều Kiện Cụ Thể Của Hợp Đồng

Chương VIII. Biểu Mẫu Hợp Đồng

Phần 4. CÁC PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Phạm vi cung cấp và Yêu cầu kỹ thuật

Phụ lục 2. Tiêu chí đánh giá



MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT. Cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT) được cố định theo định dạng tệp tin PDF/Word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm) được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính) và Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)) là tệp tin PDF do Chủ đầu tư chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ các thông tin do Chủ đầu tư nhập, Hệ thống sẽ tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Bên mời thầu và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ mua sắm hàng hóa qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này nêu các yêu cầu về kỹ thuật và bản vẽ để mô tả các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan; các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hoá (nếu có) được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.



PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

- Danh mục/Phạm vi cung cấp.
- Yêu cầu kỹ thuật (kèm theo Hồ sơ Thiết kế, bản vẽ,...(nếu có)).
- Tiêu chí đánh giá kỹ thuật/ Bảng điểm đánh giá kỹ thuật.
- Các tài liệu kỹ thuật khác, đường dẫn (link) để tham chiếu (nếu có).



Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

<p>1. Phạm vi gói thầu</p>	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm hàng hoá theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ. 1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phân độc lập) được quy định tại E-BDL.</p>
<p>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng</p>	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSMT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
<p>3. Nguồn vốn</p>	<p>Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL.</p>
<p>4. Hành vi bị cấm</p>	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ; 4.2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào công tác lựa chọn nhà thầu; 4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị Hồ sơ dự thầu hoặc rút Hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký Hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; b) Cản trở Người có thẩm quyền, chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu; c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu; d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu; đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng. 4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây: a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Mục 5-CDNT; b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định Hồ sơ mời thầu/Hồ sơ yêu cầu đối với cùng một gói thầu, dự án;</p>



	<p>c) Tham gia đánh giá Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu, dự án;</p> <p>d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia Tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là Người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu;</p> <p>đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định Hồ sơ mời thầu; đánh giá Hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện Hợp đồng;</p> <p>e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;</p> <p>g) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;</p> <p>4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu:</p> <p>a) Nội dung Hồ sơ mời thầu/Hồ sơ yêu cầu trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Nội dung yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của Tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>e) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>f) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của Quy chế số VSP-000-TM-238.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu: Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 02 triệu USD (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ đã được kê khai trong Hợp đồng) tính trên giá Hợp đồng đã ký kết.</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;</p> <p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và Chủ đầu tư;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p>



	<p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c, d và e Mục 5.1 E-CDNT.</p> <p>5.3 Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;</p> <p>b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu.</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3, Phần 4 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chi dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <p>Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.</p> <p>Phần 4. Các phụ lục</p> <p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời gian tối đa theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p>



	<p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT.</p> <p>7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>7.8 Song song với việc làm rõ/ trả lời làm rõ trên Hệ thống, Bên mời thầu/Nhà thầu có thể gửi văn bản bằng đường văn thư/ fax/ email trực tiếp để biết thông tin và chuẩn bị kịp thời hồ sơ tài liệu liên quan.</p>
8. Chi phí dự thầu	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT (catalogue...) có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau: 10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; 10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh); 10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT; 10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT; 10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT; 10.6 Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT; 10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có); 10.8. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành E-HSDT.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT	12.1. Trường hợp E-HSMT có quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét. 12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, tiến độ cung cấp, chi phí và các thông tin liên quan

	khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.
13. Giá dự thầu và giảm giá	<p>13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá). Nhà thầu sẽ điền giá dự thầu vào đơn dự thầu trên webform của hệ thống.</p> <p>b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu;</p> <p>c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu;</p> <p>d) Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục hàng hoá”, “Mô tả dịch vụ” theo Mẫu số 12.1 hoặc 12.2, Mẫu số 13 Chương IV.</p> <p>13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).</p> <p>b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần.</p> <p>13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp nhà thầu có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó.</p> <p>13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>13.5. Nhà thầu chào giá dự thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
15. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan	<p>15.1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Các tài liệu này là một phần của E-HSDT.</p> <p>15.2. Thuật ngữ “hàng hóa” được hiểu bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng và trang thiết bị y tế dùng cho các cơ sở y tế.</p> <p>15.3. Thuật ngữ “xuất xứ” được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được khai thác, chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất, chế tạo hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó, thông qua quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại và có sự khác biệt đáng kể về các đặc điểm căn bản so với các yếu tố cấu thành ban đầu.</p>



	<p>15.4. Thuật ngữ “dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như bảo hiểm 1, lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ....</p> <p>15.5. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với các yêu cầu của E-HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V.</p> <p>15.6. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả, nhà cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dùng, vật tư tiêu hao... (sau đây gọi là vật tư, phụ tùng thay thế) cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong thời hạn quy định tại E-BDL.</p> <p>15.7. Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalogue do Chủ đầu tư quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalô khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Bên mời thầu thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V.</p>
<p>16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</p>	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nêu được trúng thầu thực hiện theo E-BDL.</p>
<p>17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT</p>	<p>17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<p>18. Bảo đảm dự thầu</p>	<p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy hoặc đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Thư bảo lãnh (áp dụng trong trường hợp đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro) và đính kèm khi nộp E-HSDT. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục</p>

1 Bảo hiểm cho các hạng mục dịch vụ liên quan, ví dụ: bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa...



17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu.

Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSĐT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại E-BDL.

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B hoặc Mẫu số 04C Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp áp dụng Thư bảo lãnh (đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định E-BDL. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Bên mời thầu:

a) Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu;

b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSĐT theo yêu cầu của E-HSMT;



	<p>- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33 E-CDNT;</p> <p>- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT;</p> <p>- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu hoặc đã thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu hoặc đưa ra những điều kiện khác với các nội dung trong E-HSĐT hoặc rút lại các cam kết trong E-HSĐT dẫn đến thương thảo Hợp đồng không thành công, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mời thầu, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Bên mời thầu thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.</p> <p>18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất cả các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Bên mời thầu được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự;</p> <p>b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự.</p> <p>Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.</p>
<p>19. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p>20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSĐT</p>	<p>20.1. Nộp E-HSĐT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSĐT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSĐT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSĐT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSĐT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSĐT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSĐT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSĐT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSĐT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSĐT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi.</p> <p>20.3. Rút E-HSĐT: nhà thầu được rút E-HSĐT trước thời điểm đóng thầu. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSĐT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSĐT của nhà thầu.</p>



	<p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.</p>
21. Mở thầu	<p>21.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Giá trị và hiệu lực bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). <p>c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.</p>
22. Bảo mật	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết) và thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu), đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
23. Làm rõ E-HSDT	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong E-HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Trường hợp sau khi đóng thầu, nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh về tư cách hợp lệ, hợp đồng tương tự, năng lực sản</p>



	<p>xuất, báo cáo tài chính, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự, thiết bị cụ thể đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì được gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong một khoảng thời gian quy định tại BDL. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ là một phần của hồ sơ dự thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p>
<p>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</p>	<p>Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá E-HSDT:</p> <p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p>
<p>25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT</p>	<p>25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay tính năng sử dụng của hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu của E-HSMT.</p> <p>25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 và Mục 16 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu quy định trong E-HSMT đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT đó nhằm làm cho E-HSDT đáp ứng cơ bản E-HSMT.</p>
<p>26. Sai sót không nghiêm trọng</p>	<p>26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT.</p> <p>26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của bên mời thầu.</p>



	<p>26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.</p>
<p>27. Nhà thầu phụ</p>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để thực hiện các dịch vụ liên quan. 27.2. Yêu cầu về nhà thầu phụ nêu tại E-BDL. 27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). 27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc. 27.5 Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDT; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận; trường hợp sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ có giá trị từ 10% trở lên (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết thì được coi là hành vi “chuyển nhượng thầu”.</p>
<p>28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p>	<p>28.1. Nguyên tắc ưu đãi: Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên. 28.2. Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng E-HSDT: Hàng hóa chỉ được hưởng ưu đãi khi nhà thầu chứng minh được hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên trong giá hàng hóa. Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa được tính theo công thức sau đây: $D (\%) = G^*/G (\%)$ Trong đó: - G*: Chi phí sản xuất trong nước được tính bằng giá chào của hàng hóa trong E-HSDT trừ đi giá trị thuế và các chi phí nhập ngoại bao gồm cả phí, lệ phí (nếu có); hoặc được tính bằng tổng các chi phí sản xuất trong nước; - G: Giá chào của hàng hóa trong E-HSDT trừ đi giá trị thuế; - D: Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa. 28.3. Cách tính ưu đãi được thực hiện theo quy định tại E-BDL. 28.4. Nhà thầu phải kê khai thông tin về loại hàng hóa được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 15A, 15B và 15C Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì hàng hóa của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi. 28.5. Trường hợp hàng hoá do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi. 28.6 Trường hợp nếu các Hồ sơ dự thầu xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên xếp hạng cao hơn cho Hồ sơ dự thầu có: - Hàng hóa xuất xứ từ CHXHCN Việt Nam và Liên Bang Nga. - Dịch vụ/Công việc mà sử dụng người lao động từ CHXHCN Việt Nam và Liên Bang Nga.</p>



29. Đánh giá E-HSDT

29.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT.

29.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 29.1 E-CDNT, Bên mời thầu chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT dưới đây cho phù hợp để đánh giá E-HSDT. Bên mời thầu đánh giá trực tiếp trên cơ sở E-HSDT nhà thầu đã nộp.

29.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp “giá đánh giá” và “giá thấp nhất”):

a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III

- Tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá: tư cách hợp lệ trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.

- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.

b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III

- Tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá: lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ thuế, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trong E-HSDT.

- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất hàng hóa, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm để đánh giá.

- Đối với nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu.

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.

c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.

d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III và thực hiện theo quy định tại E-BDL;

đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.

e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu mà không phải xếp hạng nhà thầu.

29.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất” và các nhà thầu, E-HSDT đều không có bất kỳ ưu đãi nào).

a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu, nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Bên mời thầu tiến hành đánh giá E-HSDT của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất căn cứ vào biên bản mở thầu trên Hệ thống. Trường hợp có nhiều nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất bằng nhau thì tiến hành đánh giá tất cả các nhà thầu này.

b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 E-CDNT.

	<p>c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 E-CDNT.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 E-CDNT.</p> <p>đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu.</p> <p>Trường hợp E-HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.</p> <p>29.5. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT:</p> <p>a) Bên mời thầu đánh giá trực tiếp trên cơ sở E-HSDT nhà thầu đã nộp. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;</p> <p>b) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu, Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự, thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự, thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại Mục 4.4 E-CDNT và bị xử lý theo quy định.</p> <p>c) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, d khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform (nếu có) là cơ sở để xem xét, đánh giá;</p> <p>d) Tại bước đánh giá về tài chính, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin trong biểu mẫu về ưu đãi hàng hóa sản xuất trong nước (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa) để làm cơ sở tính toán ưu đãi thì nhà thầu sẽ không được hưởng ưu đãi;</p> <p>e) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT.</p>
<p>30. Đối chiếu tài liệu</p>	<p>30.1. Nhà thầu xếp thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu) và đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT;</p> <p>b) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...); tài liệu chứng minh năng lực sản xuất (đối với trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất);</p> <p>c) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, bằng cấp, chứng chỉ của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT;</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, doanh thu từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT.</p>
<p>31. Thương thảo hợp đồng</p>	<p>31.1. Việc thương thảo hợp đồng thực hiện theo quy định tại E-BDL;</p> <p>31.2. Trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p>



	<p>a) Báo cáo đánh giá E-HSDT; b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu; c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).</p> <p>31.3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng: a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của E-HSMT; b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu;</p> <p>31.4. Nội dung thương thảo hợp đồng: a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, chưa thống nhất giữa E-HSMT và E-HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong E-HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng; b) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu; c) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 29 E-CDNT; d) Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự đã được thay thế trước khi thương thảo hợp đồng), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu. đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>31.5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).</p> <p>31.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ thực hiện.</p> <p>31.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT.</p> <p>31.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể thương thảo hợp đồng trực tiếp với bên mời thầu, bên mời thầu có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p>
<p>32. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 31.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III; 31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III; 31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III; 31.4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu; 31.5. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL;</p>



	<p>31.6. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.</p>
<p>33. Hủy thầu</p>	<p>33.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSĐT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi mua sắm làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chí đánh giá đã ghi trong E-HSMT theo quyết định của Chủ đầu tư;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ các quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 hành vi bị cấm – Chương I Chi dẫn nhà thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 hành vi bị cấm – Chương I Chi dẫn nhà thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>33.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 33.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33.1 E-CDNT.</p>
<p>34. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>34.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSĐT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu. <p>c) Đối với mỗi chủng loại hàng hóa, thiết bị trong gói thầu, Chủ đầu tư phải đăng tải các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên hàng hóa; - Công suất; - Tính năng, thông số kỹ thuật; ký, mã hiệu, nhãn mác; - Xuất xứ; - Đơn giá trúng thầu. <p>d) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p>



	34.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.
35. Thay đổi khối lượng hàng hóa và dịch vụ	35.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSĐT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%. 35.2. Tùy chọn mua thêm: Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư có quyền mua bổ sung khối lượng hàng hóa/dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL.
36. Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng	Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo mẫu quy định tại Phần 3 cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.
37. Điều kiện ký kết hợp đồng	37.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSĐT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực. 37.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu). 37.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.
38. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	37.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Phần 3. Trường hợp áp dụng bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Phần 3 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. 37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
39. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Bên mời thầu.



	38.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.
40. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu	Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL.



Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	<p>Tên Chủ đầu tư: Liên Doanh Việt - Nga Vietsovpetro. Địa chỉ: <i>Số 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, Thành Phố Hồ Chí Minh.</i></p>
E-CDNT 1.2	<p>Tên gói thầu: (DVN-VT-2357/25-XL-TTH-MAITTT.TM) Vật tư tiêu hao (đá mài, đá cắt, vật tư phụ khác) Tên dự án/dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ chế tạo trên bờ cho Giàn nhà ở (Living Quarter Platform), dự án phát triển mỏ khí Lô B. Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu: 03 nhóm NHÓM 1: ĐÁ CẮT - ĐÁ MÀI NHÓM 2: VẬT TƯ TIÊU HAO PHỤC VỤ CẮT KHÍ - LẮP RÁP - HÀN NHÓM 3: VẬT TƯ GIÀN GIÁO VÀ CHỐNG ẮN MÒN VÀ CÁC LOẠI VẬT TƯ KHÁC</p>
E-CDNT 3	<p>Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): Nguồn vốn SXKD của Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro</p>
E-CDNT 5.3	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với + Chủ đầu tư: Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro, địa chỉ 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, Thành Phố Hồ Chí Minh. + Bên mời thầu: Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro, địa chỉ 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, Thành Phố Hồ Chí Minh. <p>Trừ trường hợp nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó.</p> <p>Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau:</p> <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên) ⁽¹⁾</p> <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p>X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p> <p>Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</p> <p>n: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p>



	<p>⁽¹⁾Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.</p> <p>Trường hợp nội dung về bảo đảm cạnh tranh tại Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu chưa được quy định tại Mục này thì Chủ đầu tư quy định tại BDL căn cứ Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu</p>
E-CDNT 7.1	Việc sửa đổi E-HSMT trong thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 7.2	<p>Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ E-HSMT đến Bên mời thầu trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>Bên mời thầu thực hiện làm rõ trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p>
E-CDNT 7.5	Hội nghị tiền đấu thầu: không.
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: ____ [<i>Hệ thống tự trích xuất theo quy định hiện hành</i>].
E-CDNT 10.1-10.7	Tất cả các tài liệu từ mục 10.1-10.7 phải được Nhà thầu scan theo định dạng “.pdf”, upload và nộp cùng E-HSDT tại phần đính kèm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
E-CDNT 10.8	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giấy ủy quyền (nếu có) (Scan màu) 2. Bảo đảm dự thầu (scan màu – theo mẫu VSP) 3. Thỏa thuận liên danh (nếu có) (Scan màu) 4. Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất;(scan đen trắng) 5. Hợp đồng tương tự (01 hợp đồng). 6. Toàn bộ phần Hồ sơ kỹ thuật 7. Cam kết dự thầu. 8. Các tài liệu có liên quan khác (nếu có) <p>Tất cả các tài liệu nộp kèm nêu trên phải được Nhà thầu scan theo định dạng “.pdf”, upload và nộp cùng E-HSDT tại phần đính kèm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p>
E-CDNT 12.1	Nhà thầu “không được phép” nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
E-CDNT 13.2	<p>Các phần của gói thầu: 03 nhóm</p> <p>NHÓM 1: ĐÁ CẮT - ĐÁ MÀI</p> <p>NHÓM 2: VẬT TƯ TIÊU HAO PHỤC VỤ CẮT KHÍ - LẮP RÁP - HÀN</p> <p>NHÓM 3: VẬT TƯ GIÀN GIÁO VÀ CHỐNG ĂN MÒN VÀ CÁC LOẠI VẬT TƯ KHÁC</p>
E-CDNT 13.5	<p>Trong biểu giá, nhà thầu phải phân tích các nội dung cấu thành của giá chào theo các yêu cầu sau:</p> <p>- Nhà thầu phải chào giá hàng hóa theo điều kiện giao hàng tại kho VIETSOVPETRO, trong đó bao gồm giá hàng hóa, chi phí kiểm tra, đóng gói hàng hóa, chi phí cần thiết để có các loại chứng chỉ theo yêu cầu, chi phí thử nghiệm tại nhà máy sản xuất, chi phí vận chuyển đến kho VIETSOVPETRO, phí bảo hiểm hàng hóa v.v.</p>



	<p>- Trong bảng chào giá phải liệt kê đầy đủ tất cả các loại thuế và phí theo quy định của pháp luật để đảm bảo thực hiện gói thầu. Các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.</p> <p>- Chào đầy đủ tất cả các chi phí cho dịch vụ kỹ thuật kèm theo để thực hiện gói thầu.</p>
E-CDNT 15.6	Thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa (để yêu cầu vật tư, phụ tùng thay thế): Theo tiến độ dự án
E-CDNT 16.2	Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu: “Không yêu cầu” Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, đại lý phân phối hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.
CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 90 ngày , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.1	Thế thức bảo lãnh dự thầu: Bằng văn bản giấy. (Thời gian hiệu lực Bảo đảm dự thầu: ≥ 120 ngày).
E-CDNT 18.2	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <p>- Giá trị bảo đảm dự thầu:</p> <p>NHÓM 1 \geq 32.700.000 VND NHÓM 2 \geq 34.200.000 VND NHÓM 3 \geq 18.700.000 VND</p> <p>Cả 03 nhóm \geq 85.600.000 VND</p> <p>- Bảo đảm dự thầu phải được phát hành bởi Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.</p> <p>Số tài khoản của Vietsovpetro trong trường hợp thực hiện bảo đảm dự thầu theo hình thức đặt cọc/chuyển khoản: 008.100.000001.1</p> <p>Tên người thụ hưởng: Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro. Tại Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Vũng Tàu.</p> <p>Lưu ý: Bên mời thầu không áp dụng hình thức bảo lãnh dự thầu theo hình thức đặt cọc/bảo lãnh bằng séc.</p>
E-CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 15 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
E-CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: giá dự thầu của nhà thầu (không áp dụng).
E-CDNT 28.3	Cách tính ưu đãi: “Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng”
E-CDNT 28.6	Các nội dung ưu đãi khác (nếu có): Không áp dụng.

E-CDNT 29.1	<p>Phương pháp đánh giá E-HSĐT là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tính hợp lệ của E-HSĐT: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Chấm điểm. - Đánh giá về tài chính: phương pháp giá thấp nhất.
E-CDNT 29.3(d)	<p>Cách thức thực hiện:</p> <p>Việc so sánh, xếp hạng E-HSĐT được xác định trên cơ sở giá dự thầu bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có).</p>
E-CDNT 29.3(d)	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất trọn gói được xếp hạng thứ nhất”;
E-CDNT 30	Thương thảo hợp đồng: “Không áp dụng”.
E-CDNT 31.4	“nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất”
E-CDNT 34.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 0 % Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 0% .
E-CDNT 34.2	Tùy chọn mua thêm: "không áp dụng"
E-CDNT 38.2	<ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ của Chủ đầu tư: Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro, địa chỉ 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, Thành Phố Hồ Chí Minh; - Địa chỉ của Người có thẩm quyền: Ông Phạm Thanh Bình – Giám đốc XNXL KS&SC, Số 67 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Tp.. Điện thoại: 0254.839871 (3418), Fax: 0254.839796; - Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn: Phòng Thương mại XNXL KS&SC số 67 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Tp. HCM, điện thoại 84-862-488611 (3418) - Fax: 0254.3839796.
E-CDNT 39	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát: Phòng Thương mại XNXLKS&SC số 67 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Tp. HCM, Ms. Trần Thị Tuyết Mai, email: maittt.cd@vietsov.com.vn , Điện thoại: 84-862-488611 (3164) - Fax: 0254.3839796.



Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT.
 - Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.
 - Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 4A, Mẫu số 4B, Mẫu số 4C Chương IV).
 - Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá.
 - Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.
 - Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 20 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT
2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.
3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.
Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) và được scan đính kèm trên Hệ thống, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-



HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của *Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam* theo tỷ giá bán ra tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.



BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM
(Đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất⁽¹⁾ ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 ⁽²⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu(3).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁵⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương . (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08



Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		Tài liệu cần nộp
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁶⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là: Trường hợp chào từng nhóm: NHÓM 1 ≥ 2.978.415.111 VND NHÓM 2 ≥ 3.112.529.543 VND NHÓM 3 ≥ 1.708.357.275 VND Trường hợp chào Cả 03 nhóm (trọn gói) ≥ 7.799.301.929 VND	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽⁸⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 ⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự ⁽¹⁰⁾ có cùng chủng loại, tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng với hàng hóa của gói thầu đang xét. - Đã hoàn thành có quy mô (giá trị) tối thiểu: Trường hợp chào từng nhóm: NHÓM 1 ≥ 1.528.919.757 VND NHÓM 2 ≥ 1.597.765.166 VND NHÓM 3 ≥ 876.956.735 VND Trường hợp chào Cả 03 nhóm (trọn gói) ≥ 4.003.641.657 VND	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05A



Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		Tài liệu cần nộp
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
5	Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác⁽¹¹⁾	<p>Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. - Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. 	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc



Ghi chú:

(1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến thời điểm đóng thầu.

(3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp E-HSMT được phát hành sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (Ví dụ: ngày phát hành E-HSMT là ngày 20/3/2025, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(5) Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(6) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Trường hợp E-HSMT được phát hành sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (Ví dụ: ngày phát hành E-HSMT là ngày 20/3/2025, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Ví dụ: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là tháng 11 năm 2022 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2019, 2020, 2021.

(7) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

(8) Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(9) Cập nhật nội dung Ghi chú (9) phù hợp với quy định hiện hành của Vietsovpetro.

(10) Tương tự về tính chất: Cập nhật nội dung Ghi chú (10) phù hợp với quy định hiện hành của Vietsovpetro.

(11) Quy mô của hợp đồng tương tự: Cập nhật nội dung Ghi chú (11) phù hợp với quy định hiện hành của Vietsovpetro.

(12) Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.

Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá E-HSMT. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì E-HSMT của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại..

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

(Đối với nhà thầu là nhà sản xuất⁽¹⁾ ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 ⁽²⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽³⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Nội dung cam kết theo đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁵⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
3.2	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁶⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là:	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		Trường hợp chào từng nhóm: NHÓM 1 ≥ 2.978.415.111 VND NHÓM 2 ≥ 3.112.529.543 VND NHÓM 3 ≥ 1.708.357.275 VND Trường hợp chào Cả 03 nhóm (trọn gói) ≥ 7.799.301.929 VND				
4	Năng lực sản xuất hàng hoá ⁽⁸⁾	Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa tương tự về tính chất với hàng hóa thuộc gói thầu đáp ứng yêu cầu theo một trong hai cách sau đây: - Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu ⁽⁸⁾ : sản phẩm: Hoặc - Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu: Không áp dụng sản phẩm: (Không áp dụng)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05B
5	Khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác ⁽⁵⁾	Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây: - Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		- Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.				



Ghi chú:

(1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến thời điểm đóng thầu.

(3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp E-HSMT được phát hành sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (Ví dụ: ngày phát hành E-HSMT là ngày 20/3/2025, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(5) Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(6) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của

nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Trường hợp E-HSMT được phát hành sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (Ví dụ: ngày phát hành E-HSMT là ngày 20/3/2025, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Ví dụ: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là tháng 11 năm 2022 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2019, 2020, 2021.

(7) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là 1,5.

(8) Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng: $k \times (\text{Số lượng yêu cầu của gói thầu} \times 30 / \text{thời gian thực hiện gói thầu (tính theo ngày)})$. Thông thường $k = 1,5$; trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn thì có thể quy định $k = 1$.

Ví dụ: Số lượng hàng hóa cần mua là 12.000 hộp sữa, thời gian thực hiện gói thầu 20 ngày, hệ số $k = 1,5$ thì công suất thiết kế tối thiểu trong 01 tháng/sản lượng sản xuất sữa cao nhất của 01 tháng của nhà thầu là: $1,5 \times (12.000 \times 30/20) = 27.000$ hộp sữa.

Trường hợp hàng hóa là sản phẩm do nhà thầu Việt Nam sản xuất trong nước (có thể đã bán ra thị trường hoặc chưa bán ra thị trường), nhà thầu phải chứng minh công suất thiết kế hoặc sản lượng sản xuất đáp ứng yêu cầu.

Trường hợp nhà thầu vừa là sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hóa hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu chào trong E-HSMT là do nhà thầu sản xuất, một số hàng hóa khác hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu) thì ngoài kê khai về năng lực sản xuất, nhà thầu còn phải kê khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự theo nội dung quy định tại Mục 4-Bảng số 01 Chương này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp

khác) và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu tự sản xuất để cung cấp cho gói thầu).

Nhà thầu có thể sử dụng các tài liệu như hóa đơn bán hàng, số lượng hàng tồn kho... để chứng minh sản lượng đã sản xuất trong 01 tháng.

(9) Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá E-HSDT. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì E-HSDT của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại. Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.



BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VÀ KINH NGHIỆM

(Áp dụng đối với gói thầu cung cấp hàng hóa chia thành nhiều phần)

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VND)	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VND)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)	Khả năng bảo hành, bảo trì
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)

Đối với các nội dung lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ thuế, kết quả hoạt động tài chính, khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác áp dụng theo quy định tại Bảng số 01, Bảng số 02 Chương này.

Ghi chú:

(*) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về doanh thu căn cứ trên tổng giá trị doanh thu bình quân yêu cầu đối với các phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu tham dự 01 phần thì chỉ cần đáp ứng yêu cầu doanh thu của phần đó.

(**) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về hợp đồng tương tự tương ứng với từng phần mà nhà thầu tham dự, nhà thầu không phải đáp ứng tổng quy mô hợp đồng tương tự đối với các phần mà nhà thầu tham dự.



2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: Không áp dụng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Theo tài liệu đính kèm tại Phần 4. CÁC PHỤ LỤC

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu: bao gồm tất cả các thuế, phí, lệ phí.

Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất..

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSDT đáp ứng căn bản HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.

theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có): không áp dụng

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có)

Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì trong E-HSMT phải nêu rõ tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đối với từng phần hoặc nhiều phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình. Việc đánh giá E-HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.

Mục 7: Quyền đơn phương chấm dứt đàm phán hợp đồng với nhà thầu xếp hạng nhất, trong giai đoạn đàm phán hợp đồng.

Đối với đề xuất hàng hóa có xuất xứ từ các nước bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang, trong tình trạng chiến tranh, bị trừng phạt hoặc cấm vận và việc nhập khẩu những hàng hóa đó có thể bị gián đoạn và ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng và tiến độ giao hàng, nhà thầu được yêu cầu giải trình và cam kết về khả năng giao hàng để Vietsovpetro xem xét, đánh giá.

Căn cứ vào tình hình thực tế tại thời điểm đó, Vietsovpetro sẽ có toàn quyền xem xét và quyết định từ chối các đề xuất của nhà thầu về hàng hóa đó, hoặc không tiếp tục đánh giá, nếu Vietsovpetro cho rằng việc thực hiện hợp đồng và lịch trình giao hàng có rủi ro. Trong trường hợp đó, Vietsovpetro có toàn quyền quyết định ngừng đàm phán hợp đồng, và mời nhà thầu có thứ hạng tiếp theo liền kề vào đàm phán hợp đồng.

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp hàng hóa	Scan đính kèm lên Hệ thống (<i>Riêng Mẫu số 2 – Đơn dự thầu: webform và scan đính kèm</i>)	X	
	Mẫu số 01D. Các dịch vụ liên quan		X	
	Mẫu số 01C. Vật tư, phụ tùng thay thế		X	
	Mẫu số 02. Đơn dự thầu			X
	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu độc lập)	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu liên danh)			X
	Mẫu số 04C. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro</i>)			X
	Mẫu số 05A. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
	Mẫu số 05B. kê khai năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)			X
	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
	Mẫu số 09B. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			X
	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ cung cấp			X



	Mẫu số 10B. Đề xuất về hàng hóa của nhà thầu			X
	Mẫu số 11. Bảng tổng hợp giá dự thầu			X
	Mẫu số 12.2. Bảng giá dự thầu của hàng hóa đối với Lô khác.			X
	Mẫu số 13. Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan			X
	Mẫu số 14A. Bảng giá vật tư, phụ tùng thay thế (áp dụng trong trường hợp yêu cầu nhà thầu tự đề xuất)			X
	Mẫu số 14B. Bảng giá vật tư, phụ tùng thay thế (áp dụng trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu)			X
	Mẫu số 15A. Bảng kê hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi			X
	Mẫu số 15B. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hoá được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)			X
	Mẫu số 15C. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hoá được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)			X



PHẠM VI CUNG CẤP

Theo tài liệu đính kèm tại Phần 4. CÁC PHỤ LỤC

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết (nếu cần thiết).

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽¹⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽²⁾	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng ⁽²⁾	
							Ngày giao hàng sớm nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	Ngày giao hàng muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]
1								
2								

Ghi chú:

(1) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

(2) Ngày giao hàng phù hợp với yêu cầu kỹ thuật nêu tại Chương V.

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), bên mời thầu phải điền rõ tên từng phần (lô) và các hàng hóa như Mẫu này



CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN ⁽¹⁾

Chủ đầu tư liệt kê danh mục các dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ ⁽²⁾
1	Ghi nội dung dịch vụ 1				
2	Ghi nội dung dịch vụ 2				
..					
n	Ghi nội dung dịch vụ n				

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không yêu cầu dịch vụ liên quan thì Chủ đầu tư không nhập Biểu này trên Hệ thống.

(2) “Ngày hoàn thành dịch vụ” phải hợp lý, phù hợp với “Ngày giao hàng” tại Mẫu số 01A, 01B, 01C.



VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ

(chỉ áp dụng trong trường hợp Chủ đầu tư có yêu cầu cụ thể về vật tư, phụ tùng thay thế)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)

Ghi chú:

Chủ đầu tư các cột (1), (2), (3), (4) cho phù hợp với yêu cầu quy định tại Phần 4. CÁC PHỤ LỤC



Mẫu số 02 (webform trên Hệ thống và Scan đính kèm)

ĐƠN DỰ THẦU ⁽¹⁾

(trích xuất từ hệ thống)

⁽¹⁾ Không áp dụng các quy định dưới đây:

“Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.”



THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]
Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [ghi tên dự án].
2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].
3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, tất cả các thành viên của liên danh sẽ tham gia ký kết hợp đồng và không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận hoặc vi phạm các quy định của hợp đồng đã ký kết thì thành viên đó bị xử lý như sau:
 - Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
 - Cùng các thành viên trong liên danh bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng (tương ứng theo tỷ lệ của từng thành viên đã quy định tại Điều 2 Thỏa thuận này);
 - Hình thức xử lý khác _____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh,

đại diện cho liên danh trong những phần việc sau¹:

- [- Ký đơn dự thầu;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT, sửa đổi, thay thế HSDT;
- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng cho cả liên danh trong trường hợp liên danh trúng thầu
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Thực hiện tất cả các nghĩa vụ của liên danh không được nêu trong Bảng phân công trách nhiệm giữa các thành viên liên danh ở mục 2 dưới đây;
- Thực hiện các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện các công việc cụ thể theo bảng dưới đây²:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu	Giá trị theo tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tên thành viên thứ nhất (thành viên đứng đầu liên danh)	- Công việc 1: _____	_____ %	_____ VNĐ/USD
		- Công việc 2: _____		
		- Công việc 3: _____		
			
2	Tên thành viên thứ 2	- Công việc 1: _____	_____ %	_____ VNĐ/USD
		- Công việc 2: _____		
		- Công việc 3 _____		
....		
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%	_____ VNĐ/USD

3. Phương thức thanh toán cho liên danh trong trường hợp trúng thầu và ký hợp đồng với chủ đầu tư như sau:

-Chủ đầu tư sẽ thanh toán trực tiếp cho từng thành viên liên danh theo tiến độ thanh toán được qui định trong hợp đồng với giá trị được phân chia tương ứng với tỷ lệ khối lượng công việc đã được các thành viên liên danh thống nhất và nêu trong cột (4) Bảng phân công trách nhiệm ở mục 2 của thỏa thuận liên danh này.

-Từng thành viên của Liên danh sẽ phát hành Hóa đơn hợp pháp đúng với phần giá trị công việc đã được thành viên liên danh đó thực hiện theo tiến độ từng đợt thanh toán được qui định trong hợp đồng.

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
- Trong trường hợp liên danh trúng thầu, Thỏa thuận liên danh này là một phần không tách rời của hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư và chỉ chấm dứt hiệu lực khi các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và thanh lý xong hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ___ [ghi tên dự án] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ___ bản, mỗi bên giữ ___ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

¹ Nhà thầu cập nhật.

² Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

³ Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký thỏa thuận liên danh thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền..

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: Liên Doanh Việt - Nga Vietsovpetro.

Địa chỉ: Số 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ___ [ghi tên dự án] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ không hủy ngang và vô điều kiện sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33 E-CDNT;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đổi chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đổi chiếu tài liệu hoặc đã thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đổi chiếu tài liệu nhưng từ chối ký biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đổi chiếu tài liệu **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong E-HSDT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công**, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Bên mời thầu phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSMT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 18.2 **E-BDL**.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19.1 **E-BDL**.

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.



BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng: Liên Doanh Việt - Nga Vietsovpetro.

Địa chỉ: Số 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Ngày phát hành bảo lãnh:___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số:___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh:___[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng___ [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án___ [ghi tên dự án] theo Thư mời thầu/E-TBMT số___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày___ tháng___ năm___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ không hủy ngang và vô điều kiện sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33 E-CDNT;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đối chiếu tài liệu hoặc đã thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đối chiếu tài liệu nhưng từ chối ký biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có yêu cầu) và đối chiếu tài liệu **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong E-HSDT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công**, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ___ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT của E-HSMT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả..

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc



của bất kỳ bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B +C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Mục 18.2 **E-BDL**.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19.1 **E-BDL**.

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro)

Ngày: (Ngày ký hồ sơ mời thầu)

Tên gói thầu:..... (Tên gói thầu theo hồ sơ mời thầu)

Tên dự án: (Tên dự án)

Hồ sơ mời thầu số: VT/DV-.....

Kính gửi: _____ (tên đầy đủ và địa chỉ của người đại diện)

Căn cứ vào gói thầu nêu trên, chúng tôi [ghi tên nhà thầu] xin xác nhận như sau:

1. Thay vì nộp Bảo đảm dự thầu do ngân hàng phát hành, [điền tên nhà thầu] thực hiện bảo đảm dự thầu cho [tên gói thầu] bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro một khoản tiền đặt cọc tương đương với số tiền Bảo đảm dự thầu. được chỉ định trong E-HSMT, là [chỉ định bằng số, bằng chữ và loại tiền gửi]
2. Nhà thầu xác nhận rằng Nhà thầu sẽ tuân thủ tất cả các điều kiện theo quy định tại mẫu Bảo đảm dự thầu của E-HSMT. (Trường hợp Nhà thầu xác nhận không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo mẫu Bảo đảm dự thầu trong HSMT thì hồ sơ dự thầu của Nhà thầu sẽ không được đánh giá)
3. Sau [điền thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu] ngày kể từ ngày đóng thầu....., Vietsovpetro sẽ chuyển số tiền đặt cọc trên vào tài khoản của [điền tên nhà thầu]. [điền tên nhà thầu] sẽ chịu trách nhiệm thanh toán mọi khoản phí ngân hàng liên quan đến việc chuyển nhượng này.

4. Tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro:

Tên người thụ hưởng: Liên Doanh Việt – Nga Vietsovpetro

Ngân hàng thụ hưởng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu

Số tài khoản: 008.100.00000.11 (VNĐ)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSMT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Nhà thầu đính kèm Ủy nhiệm chi hoặc văn bản chứng minh đã chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro kèm theo thư này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾
(Đối với nhà thầu thương mại)

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]	
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]	
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]	
Giá hợp đồng ⁽³⁾	[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]
Tên dự án:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]	
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]	
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]	
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]	
E-mail:	[ghi địa chỉ e-mail]	
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III ⁽²⁾		
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]	
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]	
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]	
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]	

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

KÊ KHAI NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA
(Đối với nhà thầu là nhà sản xuất)

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Số lượng nhà máy, cơ sở sản xuất (gọi chung là nhà máy): _____ [Điền số nhà máy]

Đối với mỗi nhà máy, nhà thầu kê khai thông tin sau đây:

Tên nhà máy:	[Ghi tên nhà máy]
Địa chỉ:	[Ghi địa chỉ nhà máy]
Tổng mức đầu tư:	[Ghi tổng mức đầu tư]
Công suất thiết kế:	[Ghi công suất thiết kế]
Công suất thực hiện:	[Ghi công suất thực hiện trong năm gần nhất]
Tiêu chuẩn sản xuất:	[Ghi tiêu chuẩn sản xuất đang áp dụng, nếu có]
Số lao động đang làm việc:	[Ghi tổng số lao động đang làm việc tại nhà máy]

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.



HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA, EPC, EP, PC, CHÌA KHÓA TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III

- Không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm__ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc khoản 2.1 Mục 2 Chương III.
- Có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm__ [ghi năm] theo quy định tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc khoản 2.1 Mục 2 Chương III.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (Hệ thống tự động trích xuất trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu)			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽²⁾	<i>(Hệ thống tự động tính)</i>		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.



**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU ⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.



BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP(*)

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng		Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]
					Ngày giao hàng sớm nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	Ngày giao hàng muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							
...							

Ghi chú:

Cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7): Theo quy định tại Phần 4. CÁC PHỤ LỤC

Cột (8): Nhà thầu điền

(*) Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong E-HSMT. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại, trừ trường hợp yêu cầu kỹ thuật có quy định khác. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.



ĐỀ XUẤT VỀ HÀNG HÓA CỦA NHÀ THẦU

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Hàng hoá thứ 1								
2	Hàng hoá thứ 2								
...									
n	Hàng hoá thứ n								

Ghi chú:

- Cột (2), (9), (10): Theo quy định tại Phần 4. CÁC PHỤ LỤC;
- Cột (3), (4), (5), (6), (7), (8): Nhà thầu tự điền;
- Đề xuất của nhà thầu tại Mẫu này được trích xuất sang Mẫu 12.1 hoặc 12.2.



BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Hàng hóa sản xuất gia công trong nước	(M1)
2	Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài	(M2)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	(M1) + (M2) + (I)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
ĐỐI VỚI LÔ KHÁC (NGOÀI CUNG CẤP DỊCH VỤ CHÉ TẠO TRÊN BỜ CHO GIÀN
NHÀ Ở (LIVING QUARTER PLATFORM), DỰ ÁN PHÁT TRIỂN MỎ KHÍ LÔ B)

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ST T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn giá	Thành tiền (Col. 4x8)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)
1							A1	T1
2							A2	T2
...									
n								An	Tn
		Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)						A=A1+A 2+ ...+An	
		Tổng cộng giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có)							T=T1+T2+ ...+Tn
		Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (<i>Kết chuyển sang BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU</i>)							M₁=A+T

Ghi chú:

T1, T2, Tn: Nhà thầu tính toán và điền;

Các cột (1), (2), (3), (4): Bên mời thầu ghi chi tiết phù hợp với Danh mục dịch vụ theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC / hoặc ghi rõ tham chiếu theo Danh mục theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC của E-HSMT để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

Cột (5) (6) (7): Nhà thầu điền phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu;

Cột (8) (9) (10): Nhà thầu điền;

- Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

- Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Col. 3x7)
1							
2							
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)</i>							(I)

Legal representatives of bidder
(name, position, signature and stamp)

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) và (6) Bên mời thầu ghi phù hợp theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC;

Các cột (7) và cột (8) do nhà thầu chào. Cột (7): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí)



BẢNG GIÁ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ
(áp dụng trong trường hợp yêu cầu nhà thầu tự đề xuất)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ	Nhà cung cấp	Đơn giá	Thành tiền (đã bao gồm thuế) (cột 4x7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng (Không kết chuyển giá trị tại bảng này sang bảng tổng hợp giá dự thầu)							

Ghi chú:

- Nhà thầu điền các cột từ (1) đến (8). Nhà thầu phải đề xuất và chào giá cho các vật tư, phụ tùng thay thế theo hướng dẫn tại Mục 15.8 E-CDNT và Mục 4 Chương III.
- Tổng chi phí của các vật tư, phụ tùng thay thế nêu trên sẽ được cộng vào giá dự thầu của nhà thầu để phục vụ việc so sánh E- HSDT, xếp hạng nhà thầu và là cơ sở để Chủ đầu tư mua sắm trong quá trình thực hiện hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế theo đúng cam kết với giá không vượt giá đề xuất tại Bảng này trong quá trình thực hiện hợp đồng.



BẢNG GIÁ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ
(áp dụng trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ	Nhà cung cấp	Đơn giá	Thành tiền (đã bao gồm thuế) (cột 4x7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng (Không kết chuyển giá trị tại bảng này sang bảng tổng hợp giá dự thầu)							

Ghi chú:

- Các cột (1) (2) (3) (4): Nhà thầu điền theo yêu cầu trong Phần 4 CÁC PHỤ LỤC;

- Nhà thầu điền vào các cột (5), (6), (7), (8).

- Tổng chi phí của các vật tư, phụ tùng thay thế nêu trên sẽ được cộng vào giá dự thầu của nhà thầu để phục vụ việc so sánh E-HSDT, xếp hạng nhà thầu và là cơ sở để Chủ đầu tư mua sắm trong quá trình thực hiện hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế theo đúng cam kết với giá không vượt giá đề xuất tại Bảng này trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Mẫu số 15A (Scan đính kèm trên Hệ thống)



BẢNG KÊ KHAI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI⁽¹⁾

STT	Tên hàng hóa	Xuất xứ [ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất]	Hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 25% trở lên		Kê khai chi phí trong nước	
			Có	Không	Theo Mẫu 15B	Theo Mẫu 15C
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Hàng hoá thứ 1		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Hàng hoá thứ 2		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
...	...					
n	Hàng hoá thứ n		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú:

(1), (2): Nhà thầu điền theo đã kê khai từ Mẫu số 12.1 hoặc Mẫu số 12.2.

(3), (4): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng với từng loại hàng hóa.

(5), (6): Đối với hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 25% trở lên nhà thầu chọn cách kê khai chi phí sản xuất trong nước theo Mẫu 15B (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại) hoặc 15C (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam).



Mẫu số 15B (Scan đính kèm trên Hệ thống)

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI
(trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)

STT	Tên hàng hóa	Giá chào của hàng hóa trong E-HSDT	Giá trị thuế các loại	Kê khai các chi phí nhập ngoại	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước
		(I)	(II)	(III)	$G^* = (I) - (II) - (III)$	$D(\%) = G^*/G$ Trong đó $G = (I) - (II)$
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Hàng hoá thứ 1					
2	Hàng hoá thứ 2					
...	...					
n	Hàng hoá thứ n					

Ghi chú:

- (1): Nhà thầu điền theo đã kê khai các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (3) và cột (5) của Mẫu số 15A.
 (2): Nhà thầu điền theo đã kê khai đơn giá mà nhà thầu đã chào (đơn giá bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).
 (3), (4): Nhà thầu tự kê khai.
 (5), (6): Nhà thầu tính toán.

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI⁽¹⁾
(trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)

STT	Tên hàng hóa	Giá chào của hàng hóa trong E-HSDT	Giá trị thuế các loại ⁽²⁾	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước
		(I)	(II)	G*	$D(\%)=G^*/G$ Trong đó $G = (I) - (II)$
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Hàng hoá thứ 1				
2	Hàng hoá thứ 2				
...	...				
n	Hàng hoá thứ n				

Ghi chú:

(1): Nhà thầu điền theo đã kê khai các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (3) và cột (6) của Mẫu số 15A.

(2): Nhà thầu điền theo đã kê khai đơn giá mà nhà thầu đã chào (đơn giá bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

(3), (4): Nhà thầu tự kê khai.

(5): Nhà thầu tính toán.



Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT



Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều Kiện Chung Của Hợp Đồng

Chương VII. Điều Kiện Cụ Thể Của Hợp Đồng

Chương VIII. Biểu Mẫu Hợp Đồng

Mẫu số 16. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng

Mẫu số 17. Biểu mẫu hợp đồng

Mẫu số 20. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng



Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <ol style="list-style-type: none">1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại ĐKCT;1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;1.3. “Nhà thầu” là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT;1.4. “Nhà thầu phụ” là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do nhà thầu chính đề xuất trong HSDT hoặc nhà thầu thực hiện các phần công việc mà nhà thầu chính đề xuất trong HSDT; ký Hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong HSDT được Chủ đầu tư chấp thuận;1.5. “Tài liệu Hợp đồng” nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;1.6. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch;1.8. "Hàng hóa" bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng; vật tư y tế dùng cho các cơ sở y tế;1.9. "Dịch vụ liên quan" bao gồm các dịch vụ như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ;1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;1.11. "Địa điểm dự án" là địa điểm được quy định tại ĐKCT.
2. Thứ tự ưu tiên	<p>Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none">2.1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;2.2. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng;2.3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;2.4. ĐKCT;2.5. ĐKC;2.6. HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của Nhà thầu;2.7. HSMT và các tài liệu sửa đổi HSMT (nếu có);2.8. Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.
3. Luật và ngôn ngữ	<p>Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>

<p>4. Ủy quyền</p>	<p>Trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT, Chủ đầu tư có thể ủy quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.</p>
<p>5. Thông báo</p>	<p>5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT.</p> <p>5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
<p>6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại ĐKCT.</p> <p>6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.</p>
<p>7. Nhà thầu phụ (không áp dụng)</p>	<p>7.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được quy định tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>7.2. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDT.</p> <p>7.3. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT.</p>
<p>8. Giải quyết tranh chấp</p>	<p>8.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.</p>
<p>9. Phạm vi cung cấp</p>	<p>Hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp và được đính kèm thành Phụ lục và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại hàng hóa, dịch vụ mà Nhà thầu phải cung cấp và đơn giá của các loại hàng hóa, dịch vụ đó.</p>

<p>10. Tiến độ cung cấp hàng hoá, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ</p>	<p>Tiến độ cung cấp hàng hoá và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương V – Phạm vi cung cấp. Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại ĐKCT.</p>
<p>11. Trách nhiệm của Nhà thầu</p>	<p>Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ hàng hóa và các dịch vụ liên quan trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC và theo tiến độ cung cấp hàng hoá, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 ĐKC.</p>
<p>12. Loại hợp đồng</p>	<p>Loại hợp đồng: hợp đồng trọn gói.</p>
<p>13. Giá hợp đồng</p>	<p>13.1. Giá hợp đồng được ghi tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). Giá hợp đồng là tạm tính;</p> <p>13.2. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.</p>
<p>14. Điều chỉnh thuế</p>	<p>Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT.</p>
<p>15. Tạm ứng</p>	<p>15.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.</p> <p>15.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư. Nhà thầu sẽ bị thu bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.</p> <p>15.3. Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ một tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán.</p>
<p>16. Thanh toán</p>	<p>16.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT.</p>

	16.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.
17. Bản quyền	Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư.
18. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	<p>18.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, sơ đồ, bản vẽ, kiểu dáng, mẫu mã, thông tin do Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.</p> <p>18.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào nêu trong Mục 18.1 ĐKC vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng.</p> <p>18.3. Các tài liệu quy định tại Mục 18.1 ĐKC thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư. Khi Chủ đầu tư có yêu cầu, Nhà thầu phải trả lại cho Chủ đầu tư các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.</p>
19. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Hàng hóa và dịch vụ liên quan được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập ở Mục 2 Chương V – Phạm vi cung cấp; nếu ở Mục 2 Chương V không đề cập đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.
20. Đóng gói hàng hoá	Nhà thầu sẽ phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu quy định tại ĐKCT phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển hàng hóa từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.
21. Bảo hiểm	Hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại ĐKCT.
22. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác quy định tại ĐKCT.

<p>23. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa</p>	<p>23.1. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại ĐKCT.</p> <p>23.2. Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu.</p> <p>23.3. Khi thực hiện các nội dung quy định tại Mục 23.1 và Mục 23.2 ĐKC, Nhà thầu không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.</p>
<p>24. Bồi thường thiệt hại</p>	<p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại ĐKCT tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại ĐKCT. Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 ĐKC.</p>
<p>25. Bảo hành</p>	<p>25.1. Nhà thầu bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo, trừ khi có quy định khác trong ĐKCT. Ngoài ra, Nhà thầu cũng phải bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của hàng hóa.</p> <p>25.2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa được nêu trong ĐKCT.</p>
<p>26. Bất khả kháng</p>	<p>26.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.</p> <p>26.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế</p>

	<p>cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.</p> <p>26.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC.</p>
<p>27. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng</p>	<p>27.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng mang tính đặc chủng được đặt hàng sản xuất cho riêng Chủ đầu tư; b) Bổ sung hạng mục công việc, hàng hóa hoặc dịch vụ cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng; c) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; d) Thay đổi địa điểm giao hàng; e) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; f) Các nội dung khác quy định tại ĐKCT. <p>27.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.</p>
<p>28. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng</p>	<p>Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</p> <p>28.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>28.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>28.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định;</p> <p>28.4. Các trường hợp khác quy định tại ĐKCT.</p>



<p>29. Chấm dứt hợp đồng</p>	<p>29.1. Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn; b) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập; c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng; d) Các hành vi khác quy định tại ĐKCT. <p>29.2. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 29.1 ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>29.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo điểm b Mục 29.1 ĐKC, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p>
-------------------------------------	--



Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **ĐKCT** phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành HSMT.

ĐKC 1.1	Chủ đầu tư là: Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro <i>Địa chỉ: Số 105 đường Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, Thành Phố Hồ Chí Minh.</i>
ĐKC 1.3	Nhà thầu: ____ [<i>ghi tên Nhà thầu trúng thầu</i>].
ĐKC 1.11	Địa điểm Dự án/ Điểm giao hàng cuối cùng: Kho XNXLKS&SC, số 67, đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành Phố Hồ Chí Minh.
ĐKC 2.8	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: <i>Bảo đảm thực hiện hợp đồng</i>
ĐKC 4	Chủ đầu tư <i>có thể</i> ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
ĐKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: Ông Phạm Thanh Bình – Giám đốc XNXLKS&SC Địa chỉ: Số 67, Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP.HCM. Điện thoại: 02543.839871 Fax: 02543.839876
ĐKC 6.1	- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo lãnh qua 01 Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam <i>theo Mẫu số 20 Chương VIII – Biểu mẫu hợp đồng.</i> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: <i>03% Giá trị hợp đồng.</i> - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm 2025.
ĐKC 6.2	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: <i>05 ngày</i> sau khi nhà thầu hoàn thành việc giao nhận hàng hóa theo quy định, Biên bản giao nhận hàng hóa được ký giữa hai bên và nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành.
ĐKC 7.1	Danh sách nhà thầu phụ: <i>Không áp dụng.</i>
ĐKC 7.3	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ <i>Không áp dụng.</i>
ĐKC 8.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: 10 ngày. - Giải quyết tranh chấp: nếu xảy ra tranh chấp hai bên sẽ giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp không giải quyết được sẽ được đệ trình lên Tòa Án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Quyết định của Tòa Án là quyết định cuối cùng, hai bên phải tuân thủ. Án phí do bên thua kiện chịu. (có điều chỉnh tại dự thảo hợp đồng trang 94)

ĐKC 10	<p>Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển hàng hóa: <i>[ghi tên các tài liệu chứng từ cần có]</i>.</p> <p>Chủ đầu tư phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi Hàng hóa đến nơi, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này.</p>
ĐKC 13.1	<p>Giá hợp đồng: <i>__ [ghi giá hợp đồng theo giá trị nêu trong Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng]</i>.</p>
ĐKC 14	<p>Điều chỉnh thuế: <i>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</i></p>
ĐKC 15.1	<p>Tạm ứng: <i>Không áp dụng.</i></p>
ĐKC 16.1	<p>Phương thức thanh toán: <i>Thanh toán 100% giá trị hợp đồng bằng chuyển khoản qua ngân hàng trong vòng 21 ngày kể từ ngày Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu.</i></p>
ĐKC 20	<p>Đóng gói hàng hóa: <i>Hàng hóa được đóng gói theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất và được bảo vệ để đảm bảo cho hàng hóa không bị hư hại trong quá trình vận chuyển, đảm bảo thuận tiện việc bảo quản trong kho, vận chuyển, xếp dỡ. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trong trường hợp hàng hóa bị mất mát, hư hỏng, đổ vỡ do đóng gói hàng hóa không phù hợp, đúng quy cách.</i></p>
ĐKC 21	<p>Nội dung bảo hiểm:</p>
ĐKC 22	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: <i>Nhà thầu chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa tới kho của Bên mời thầu tại số 67, đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP.HCM.</i> - Các yêu cầu khác (nếu có): <i>Theo YCKT đính kèm E-HSMT.</i>
ĐKC 23.1	<p>Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: <i>Khi giao nhận hàng hóa, hai bên tiến hành kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hóa và lập biên bản giao nhận ghi rõ số lượng, chất lượng từng hạng mục hàng hóa. Biên bản này phải được đại diện có thẩm quyền của hai bên ký (bên A ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng Vật Tư, Phòng.....- XNXLKS&SC theo dõi việc thực hiện Hợp đồng và ký biên bản giao nhận nói trên) và phải được lập trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày giao nhận hàng hóa.</i></p>
ĐKC 24	<p>Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: <i>08 % giá trị hợp đồng.</i></p> <p>Mức khấu trừ: <i>0.2%/ngày cho 10 ngày chậm giao hàng đầu tiên và 0.3%/ngày cho những ngày chậm tiếp theo.</i></p> <p>Mức khấu trừ tối đa: <i>08 % giá trị hợp đồng.</i></p>

ĐKC 25.1	Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với hàng hóa: <i>Hàng hóa cung cấp phải đảm bảo mới 100% , chưa qua sử dụng, được sản xuất từ 01/2025 trở về sau. (Theo YCKT đính kèm)</i>
ĐKC 25.2	<p>Yêu cầu về bảo hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn bảo hành: thời hạn bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày giao hàng. - Bảo hành: Nhà thầu có phiếu bảo hành kèm theo, trong đó nêu rõ thời gian và trách nhiệm bảo hành của Nhà thầu. - Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành: Trong thời hạn bảo hành, nếu Chủ đầu tư phát hiện có hư hỏng, sai sót về chất lượng hàng hóa thì Chủ đầu tư sẽ thông báo kịp thời bằng văn bản cho Nhà thầu biết để cùng nhau xác minh. Việc xác minh sai sót về chất lượng phải được tiến hành không chậm quá 15 ngày kể từ ngày Nhà thầu nhận được thông báo. Việc xác minh phải được lập thành biên bản, có kết luận rõ ràng về nguyên nhân gây ra hư hỏng, xác định trách nhiệm sửa chữa các hư hỏng đó thuộc về bên nào. <p>Trong vòng 15 ngày kể từ ngày có kết luận về nguyên nhân hỏng hóc hàng hóa do lỗi của Nhà thầu thì Nhà thầu phải tiến hành sửa chữa xong các sai sót về chất lượng hoặc cam kết đổi lại hàng mới cho Chủ đầu tư trong trường hợp hư hỏng không sửa chữa được.</p> <p>Nhà thầu bằng chi phí của mình đổi lại hàng hóa mới đạt yêu cầu về chất lượng và giao hàng cho Chủ đầu tư trong vòng 02 tuần kể từ ngày Nhà thầu cam kết đổi hàng.</p>
ĐKC 27.1(e)	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng (nếu có):
ĐKC 28.4	Các trường hợp khác (nếu có):
ĐKC 29.1(d)	Các hành vi khác (nếu có):



THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG



VIETSOVPETRO

Совместное предприятие

XÍ NGHIỆP XÂY LẮP

Địa chỉ: 67, đường 30/4, P. Rạch Dừa, Tp.HCM

Tel.: +84.254.3839871, ext. 3418

Fax: +84.254.3839796

Số: /XL-17

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TPHCM, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO TRÚNG THẦU

Kính gửi: Ông/Bà

Giám đốc Công ty

Tel: ...

Fax: ...

Về việc cung cấp “...” gói thầu số ...

Trên cơ sở:

- Hồ sơ dự thầu gói thầu số ... ngày ... v/v ...;
- Biên bản họp đối chiếu tài liệu/ biên bản họp đàm phán thương thảo hợp đồng ngày ...;
- Báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu được Lãnh đạo XNXL KS&SC phê duyệt ngày ...

Bằng công văn này, XNXLKS&SC thuộc Liên doanh Việt – Nga Vietsovetro thông báo Quý Công ty đã trúng thầu gói thầu trên với các điều kiện sau:

1. Giá trị trúng thầu: ... VND
2. Loại hợp đồng:
3. Thời hạn giao hàng: toàn bộ hàng hóa được giao trong vòng
4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: ... giá trị trúng thầu, tương đương số tiền ... VNĐ (bằng chữ: ...) và hiệu lực đến hết ngày ...
5. Điều kiện thanh toán: trong vòng ... ngày, XNXL KS&SC sẽ thanh toán 100% giá trị hợp đồng bằng chuyển khoản sau khi Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ Hợp đồng và XNXL KS&SC nhận được toàn bộ chứng từ thanh toán hợp lệ như quy định trong Hợp đồng.
6. Các điều khoản điều kiện khác của hợp đồng theo nội dung đã được Hai Bên đàm phán và thoả thuận.

XNXL KS&SC sẽ hoàn thiện hợp đồng và hoàn tất thủ tục ký hợp đồng với Quý Công ty trong thời gian sớm nhất. Đề nghị Quý Công ty gửi văn bản xác nhận kết quả trúng thầu trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thư này.

Đồng thời mở Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo giá trị như trên. Thời hạn gửi bảo lãnh trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thư này, nơi gửi: P.Thương Mại (maittt.cd@vietsov.com.vn) – XNXL KS&SC số 67, đường 30/4, P. Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bảo đảm dự thầu sẽ được hoàn trả sau khi Vietsovpetro nhận được Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Kính thư!

GIÁM ĐỐC

Nơi nhân:

- Như trên;
- Lưu VP; PTM.

Ký tắt:

- PTM:
-

Người thực hiện:

Xác nhận của Nhà thầu

Họ tên: _____
Chức danh: _____



Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

— ☆ —

HỢP ĐỒNG

SỐ

VẬT TƯ TIÊU HAO (ĐÁ MÀI, ĐÁ CẮT, VẬT TƯ PHỤ KHÁC)

**DỰ ÁN: DAI HUNG NAM PROJECT, DAI HUNG FIELD DEVELOPMENT,
BLOCK 05.1(A), OFFSHORE VIETNAM**

ĐƠN HÀNG: DVN-VT-2357/25-XL-TTH-MAITTT.TM

Căn cứ:

- Nhu cầu mua sắm của Xí Nghiệp Xây lắp Khảo sát và Sửa chữa các công trình khai thác dầu khí (XNXLKS&SC) thuộc LD Việt Nga Vietsovpetro.
- “Báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu” gói thầu số _____ đã được lãnh đạo XNXLKS&SC phê duyệt ngày _____ (Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước).
- Khả năng cung cấp của Công ty _____

Hôm nay, ngày _____ tháng _____ năm _____, các bên gồm

BÊN A (Bên mua): LIÊN DOANH VIỆT NGA VIETSOVPETRO

Địa chỉ : 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 0254.839871 (3418) Fax: 0254.839796

Tài khoản số : 008.1.00.00000.1.1 tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.

Mã số thuế : 3500102414

Đại diện là : Ông **PHẠM THANH BÌNH** Chức vụ: **Giám đốc XNXLKS&SC**
(Theo giấy ủy quyền số ... ngày ... của Tổng giám đốc VSP)

BÊN B (Bên bán) : CÔNG TY

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tài khoản số:

Mã số thuế:

Đại diện là:

Hai bên cùng thỏa thuận thống nhất ký kết Hợp đồng với các điều khoản và điều kiện như sau:

Điều 1: Đối tượng hợp đồng

1.1 Bên B đồng ý bán, Bên A đồng ý mua **Vật tư tiêu hao (đá mài, đá cắt, vật tư phụ khác)** (sau đây gọi tắt là hàng hóa) với số lượng, quy cách & giá cả như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	SL	Xuất xứ, ký mã hiệu	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
...						



....						
Tổng giá trị hàng hóa						
Thuế GTGT (...%)						
Tổng giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT						

Tổng giá trị trọn gói của hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT (...%) là: **VND**
(bằng chữ:), trong đó:

- Giá trị hàng hoá: VND
- Thuế GTGT (...%): VND

- 1.2 Giá đề cập ở mục 1.1, Điều 1 của Hợp đồng này là giá thỏa thuận của hai bên, bao gồm tất cả chi phí, thuế, phí và thuế GTGT để giao hàng hóa tại kho của Bên A tại số 67 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 1.3 Thuế GTGT ghi ở mục 1.1, Điều 1 của Hợp đồng khi thanh toán có thể được điều chỉnh theo Luật thuế GTGT hiện hành tại thời điểm thanh toán.
- 1.4 Giá trên là giá cố định và không thay đổi trong suốt thời gian Hợp đồng có hiệu lực.
- 1.5 Bên A không chịu trách nhiệm thanh toán cho bên B bất kỳ khoản chi phí phát sinh nào (nếu có).

Điều 2: Chất lượng và đặc tính kỹ thuật, đóng gói và chứng chỉ của hàng hóa

- 2.1 Hàng hóa do bên B cung cấp phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng và được sản xuất từ năm 01/2025 trở về sau.
- 2.2 Hàng hóa phải có ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật, hãng/ nước sản xuất và đảm bảo các đặc tính kỹ thuật như quy định tại mục 1.1, Điều 1 Hợp đồng này và Hồ sơ dự thầu của Bên B.
- 2.3 Hàng hóa được đóng gói theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất và được bảo vệ để đảm bảo cho hàng hóa không bị hư hại trong quá trình vận chuyển, đảm bảo thuận tiện việc bảo quản trong kho, vận chuyển, xếp dỡ. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trong trường hợp hàng hóa bị mất mát, hư hỏng, đổ vỡ do đóng gói hàng hóa không phù hợp, đúng quy cách.
- 2.4 Chứng chỉ, tài liệu **giao kèm hàng hóa**: Theo YCKT.

Điều 3: Thời hạn cung cấp

Bên B sẽ giao toàn bộ hàng hóa và giấy tờ quy định tại mục 2.4, Điều 2 của Hợp đồng này kèm theo hóa đơn GTGT cho Bên A trong vòng:

Ngày phát hành Thông báo trúng thầu:

Thời hạn giao hàng dự kiến: .../.../2025..

Số lần giao hàng: lần.

Điều 4: Giao nhận hàng hóa

- 4.1 **Địa điểm giao hàng**: Hàng hóa được giao tại kho của Bên A “Số 67 Đường 30/4, P. Rạch Dừa, TP HCM”. Mọi chi phí vận chuyển hàng hóa đến kho Bên A sẽ do Bên B chịu. Dỡ hàng hóa từ phương tiện của Bên B do Bên A đảm nhận bằng phương tiện, nhân lực, chi phí của mình.
- 4.2 **Thông báo giao hàng**: Trước khi giao hàng 03 ngày làm việc, Bên B phải gửi thông báo giao hàng bằng công văn đính kèm bản sao hợp đồng cho Giám Đốc XN Xây lắp, c/c cho

Giám Đốc XN Dịch vụ, đồng thời sao gửi cho P. Vật Tư, P. Thương mại để biết và bố trí nhân lực, phương tiện nhận hàng.

- 4.3 **Chứng từ, tài liệu giao kèm hàng hóa**: Hàng hoá khi giao phải kèm theo các giấy tờ liên quan như mục 2.4 Điều 2 và Hóa đơn giá trị gia tăng.
- 4.4 **Giao nhận, nghiệm thu**: Khi giao nhận hàng hóa, hai bên tiến hành kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hóa và lập biên bản giao nhận ghi rõ số lượng, chất lượng từng hạng mục hàng hóa. Biên bản này phải được đại diện có thẩm quyền của hai bên ký (Bên A ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng Vật Tư và Phòng..... – XNXL KS&SC theo dõi việc thực hiện Hợp đồng và ký biên bản giao nhận nói trên) và phải được lập trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày giao nhận hàng hóa.
- 4.5 **An toàn lao động**: Khi đến giao hàng cho Bên A, người và phương tiện của Bên B phải tuân thủ theo các nội quy về an toàn lao động của Liên Doanh Việt – Nga Vietsovpetro và theo hướng dẫn cụ thể của Cán bộ Bên A (Bên A ủy quyền cho Phòng Vật tư và Phòng..... kiểm soát việc tuân thủ an toàn này). Trường hợp cần thiết Bên A có thể huy động thêm các Phòng, Ban liên quan.
- 4.6 Bên A có quyền từ chối nhận hàng hóa nếu hàng hóa khi giao không thỏa mãn các điều khoản trong Hợp đồng này.
- 4.7 Người của Bên B cử đến khi giao hàng hóa phải có giấy giới thiệu hoặc ủy quyền.

Điều 5: Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

- 5.1 Nếu bên B không giao bất kỳ 1 mục nào của mỗi nhóm thì:
 - 5.1.1 Bên A có quyền từ chối nhận các mục còn lại của nhóm hàng hóa đó và bên B chịu phạt mức tối đa 8% giá trị hàng hóa của nhóm đó, hoặc
 - 5.1.2 Bên A vẫn có thể nhận cả nhóm đó nhưng bên B vẫn phải chịu phạt mức tối đa 8% giá trị hàng hóa của nhóm đó.
- 5.2 Nếu bên B giao hàng chậm bất kỳ 1 mục nào của mỗi nhóm thì bên A có quyền áp dụng mức phạt giao hàng chậm tương ứng (quy định ở Khoản 5.3) đối với giá trị hàng hóa của cả nhóm đó.
- 5.3 Mức phạt giao hàng chậm quy định cho Mục 5.1.2 như sau: 0,2%/ngày giá trị nhóm hàng hóa bị vi phạm cho 10 ngày lịch đầu tiên; phạt thêm 0,3%/ngày cho những ngày lịch tiếp theo cho đến khi tổng số tiền phạt lên tới 8% giá trị nhóm hàng hóa bị vi phạm thì Bên A có quyền đơn phương hủy bỏ Hợp đồng.
- 5.4 Nếu bên B giao hàng chậm quá 30 ngày so với thời gian giao hàng tại Điều 3 của hợp đồng này, thì Bên B sẽ phải chịu phạt một khoản tiền bằng 8% giá trị của phần hợp đồng vi phạm và Bên A có quyền đơn phương hủy bỏ hợp đồng.
- 5.5 Nếu Bên B giao hàng hóa không đảm bảo chất lượng như quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này thì Bên A có quyền không nhận hàng hóa và phạt Bên B theo mức phạt không giao hàng hóa như ghi ở Điều 5.1 Hợp đồng này.
- 5.6 Tổng số tiền phạt mà Bên B phải chịu sẽ được Bên A tự động khấu trừ trong quá trình thanh toán. Giá trị Hợp đồng bị vi phạm là giá trị không bao gồm thuế GTGT. Để thu hồi khoản tiền phạt vi phạm, Bên A có quyền:
 - Khấu trừ tiền phạt từ tiền thanh toán đợt hàng hóa đã giao của hợp đồng này.

- Yêu cầu ngân hàng cấp Bảo đảm thực hiện hợp đồng thanh toán ngay khoản tiền phạt vi phạm mà Bên B đã mở bảo lãnh cho Bên A.
- Khấu trừ tiền thanh toán của hợp đồng khác giữa Bên A và Bên B (nếu có).
- Bằng văn bản yêu cầu Bên B phải thanh toán cho Bên A.
- Trong mọi trường hợp, Bên B cam kết nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Bên A trong trường hợp vi phạm hợp đồng.

5.7 Nếu Bên B đơn phương hủy bỏ Hợp đồng, Bên B phải thanh toán tiền phạt vi phạm Hợp đồng cho Bên A với mức phạt là 8% (tám phần trăm) trên tổng giá trị của Hợp đồng này.

Điều 6: Bảo hành

- 6.1 Hàng hóa phải được cung cấp Giấy chứng nhận bảo hành trong 12 tháng kể từ thời điểm giao hàng và nghiệm thu đạt yêu cầu.
- 6.2 Trong thời hạn bảo hành, nếu Bên A phát hiện có hư hỏng, sai sót về chất lượng hàng hóa thì Bên A sẽ thông báo kịp thời bằng văn bản cho Bên B biết để cùng nhau xác minh. Việc xác minh sai sót về chất lượng phải được tiến hành không chậm quá 15 ngày kể từ ngày Bên B nhận được thông báo. Việc xác minh phải được lập thành biên bản, có kết luận rõ ràng về nguyên nhân gây ra hư hỏng, xác định trách nhiệm sửa chữa các hư hỏng đó thuộc về bên nào.
- 6.3 Trong vòng 15 ngày kể từ ngày có kết luận về nguyên nhân hỏng hóc hàng hóa do lỗi của Bên B thì Bên B phải tiến hành sửa chữa xong các sai sót về chất lượng hoặc cam kết đổi lại hàng mới cho Bên A trong trường hợp hư hỏng không sửa chữa được.
- 6.4 Bên B bằng chi phí của mình đổi lại hàng hóa mới đạt yêu cầu về chất lượng và giao hàng cho Bên A trong vòng 02 tuần kể từ ngày Bên B cam kết đổi hàng theo khoản 6.3, Điều 6 Hợp đồng này.
- 6.5 Nếu Bên B tiến hành sửa chữa hàng hóa hoặc đổi lại hàng hóa mới bị chậm so với thời hạn quy định tại khoản 6.3 và 6.4, Điều 6 Hợp đồng này thì Bên B phải chịu phạt theo mức phạt giao hàng chậm như quy định tại khoản 5.1, Điều 5 Hợp đồng này.
- 6.6 Hàng hóa sau khi thay thế trong thời kỳ bảo hành sẽ được Bên B bảo hành ... tháng kể từ ngày giao hàng thay thế.

Điều 7: Thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị Hợp đồng bằng chuyển khoản qua ngân hàng trong vòng 21 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ bộ chứng từ thanh toán cho hàng hóa đã giao bao gồm:

- Công văn đề nghị thanh toán của Bên B (bản gốc)
- Hóa đơn GTGT (bản gốc)

Thông tin ghi trên hóa đơn như sau:

1. Tên người mua hàng: bỏ trống, không ghi.
 2. Tên đơn vị: LIÊN DOANH VIỆT- NGA VIETSOVPETRO
 3. Địa chỉ: Số 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, Thành Phố Hồ Chí Minh.
 4. Mã số thuế: 3500102414
- Biên bản giao nhận hàng hóa ghi tại mục 4.4, Điều 4 Hợp đồng này.
 - Các chứng chỉ, tài liệu ghi tại mục 2.4, Điều 2 Hợp đồng này.

Điều 8: Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- 8.1. Giấy bảo đảm thực hiện Hợp đồng do Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành bảo lãnh cho Công ty _____ với giá trị _____ (tương đương 3% giá trị hợp đồng) để đảm bảo thực hiện Hợp đồng là phần hợp nhất không thể tách rời Hợp đồng này (Bên A giữ bản gốc).
- 8.2. Giấy bảo lãnh thực hiện Hợp đồng này có hiệu lực cho đến thời điểm Bên B hoàn thành nghĩa vụ giao hàng và chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành.
- 8.3. Nếu Bên B từ chối không thực hiện Hợp đồng sau khi đã ký kết thì Bên B không được nhận lại số tiền đảm bảo này. Trong trường hợp Bên A sử dụng giấy bảo lãnh thực hiện Hợp đồng để thu hồi số tiền đảm bảo, ngay lập tức Bên A sẽ gửi cho Bên B bản sao văn bản yêu cầu mà Bên A gửi cho ngân hàng bảo lãnh để thông báo.
- 8.4. Bên B phải ngay lập tức yêu cầu Ngân hàng phát hành giấy bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc thực hiện sửa đổi giấy Bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong trường hợp cần gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo đảm này vì lý do chậm giao hàng hoặc gia hạn thời hạn giao hàng đồng thời gửi ngay cho Bên A giấy Bảo đảm đã gia hạn hiệu lực (bản gốc) chậm nhất là 07 ngày làm việc trước khi Bảo lãnh cũ hết hiệu lực. Mọi chi phí liên quan đến việc gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng do Bên B chịu.

Điều 9: Bất khả kháng

- 9.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép như: chiến tranh, bạo loạn, xung đột vũ trang, cấm vận, thiên tai (lũ lụt, hỏa hoạn, động đất), hoặc dịch bệnh (Epidemic; Pandemic) do WHO/Quốc gia công bố; lệnh phong tỏa Vùng/ Quốc gia do Chính quyền nước Sở tại áp đặt,...
- 9.2 Bên gặp sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay cho bên kia biết và phải cung cấp chứng cứ chứng minh sự kiện bất khả kháng đó là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới việc vi phạm hợp đồng.
- 9.3 Văn bản xác nhận của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền ở nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng là bằng chứng đủ để chứng minh sự kiện và thời gian xảy ra bất khả kháng.
- 9.4 Nếu bất kỳ một sự kiện bất khả kháng nào xảy ra, ngăn cản một bên thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ theo hợp đồng này thì thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài thêm bằng thời gian mà sự kiện bất khả kháng diễn ra
- 9.5 Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn 02 (hai) tháng, mỗi bên đều có quyền chấm dứt Hợp đồng này mà không phải bồi thường bất cứ một khoản tiền nào cho Bên kia.
- 9.6 Bên không thực hiện được nghĩa vụ theo hợp đồng do ảnh hưởng trực tiếp bởi các sự kiện bất khả kháng phải ngay lập tức thông báo cho bên kia biết. Việc thông báo chậm hơn 10 ngày sau khi bất khả kháng xảy ra làm cho bên gặp bất khả kháng mất quyền miễn trách sau này vì lý do bất khả kháng.
- 9.7 Các khó khăn trong sản xuất như thiếu vật tư, điện, nhân công... không được coi là bất khả kháng và không miễn cho Bên B nghĩa vụ giao hàng hoặc giao hàng muộn.

Điều 10: Các cam kết khác

- 10.1. Bất kỳ sự sửa đổi, bổ sung nào đối với Hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản và có chữ ký của cả hai bên.

- 10.2. Không bên nào được chuyển quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho bên thứ ba mà không được sự đồng ý bằng văn bản trước của bên kia.
- 10.3 Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh tranh chấp hoặc bất đồng thì hai bên sẽ giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác, hiểu biết lẫn nhau và cùng có lợi. Trong trường hợp hai bên không tự giải quyết được thì trong vòng 30 ngày bất kỳ bên nào cũng có thể yêu cầu đưa vụ việc ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để phân xử theo Quy tắc tổ tụng của Trung Tâm này. Phán quyết của Trung Tâm Trọng Tài Quốc tế Việt Nam sẽ là quyết định cuối cùng và hai bên phải tuân thủ. Án phí do bên thua kiện chịu.
- 10.4 Những gì không qui định trong Hợp đồng này hai bên sẽ tuân thủ theo Pháp Luật của nước CHXHCN Việt Nam.
- 10.5 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết thời hạn bảo hành (trừ trường hợp quy định tại điều 5.1 và 5.2). Trường hợp cần gia hạn phải có thỏa thuận bằng văn bản của hai bên và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.
- 10.6 Hết thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, nếu hai bên không có khiếu nại gì, coi như Hợp đồng được thanh lý.
- 10.7 Hợp đồng được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản. Bên B giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Kính gửi:

LIÊN DOANH VIỆT – NGA VIETSOVPETRO

Liên quan tới Hợp đồng _____ về việc _____ (sau đây được gọi là “Hợp đồng”) được ký giữa _____ (sau đây gọi là “BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH”) và _____ (sau đây gọi là “BÊN THỤ HƯỞNG”), chúng tôi, _____ có trụ sở chính tại _____ (sau đây gọi là “BÊN BẢO LÃNH”) phát hành Thư bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện và chịu trách nhiệm trước BÊN THỤ HƯỞNG với số tiền bảo đảm cho bên thụ hưởng với số tiền là _____ (Bằng chữ: _____) (sau đây gọi là “THƯ BẢO LÃNH”).

THƯ BẢO LÃNH này có hiệu lực kể từ ngày phát hành và sẽ duy trì hiệu lực cho đến _____ sau đây gọi là "Ngày hết hiệu lực". Đối với bất cứ sự gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng Hợp đồng vượt quá thời gian được quy định trong THƯ BẢO LÃNH này, BÊN THỤ HƯỞNG sẽ không cần phải thông báo hoặc được sự đồng thuận của BÊN BẢO LÃNH. THƯ BẢO LÃNH này sẽ được gia hạn dựa trên yêu cầu bằng văn bản từ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH để đảm bảo cho thời gian gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng của Hợp đồng.

BÊN BẢO LÃNH **cam kết không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán ngay** cho BÊN THỤ HƯỞNG một khoản tiền hay những khoản tiền, theo chỉ thị của BÊN THỤ HƯỞNG, tổng không vượt quá số tiền bảo lãnh nêu trên trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu của BÊN THỤ HƯỞNG về việc vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng của BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH và không cần bất kỳ sự giải thích nào, chúng tôi cam đoan sẽ trả cho BÊN THỤ HƯỞNG với số tiền bảo đảm là ...VND.

Sau Ngày hết hiệu lực, THƯ BẢO LÃNH này sẽ tự động không còn giá trị cho dù bản gốc THƯ BẢO LÃNH và các Thư sửa đổi liên quan (nếu có) có được gửi trả lại BÊN BẢO LÃNH hay không.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi BÊN BẢO LÃNH cho BÊN THỤ HƯỞNG cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH hoặc của BÊN BẢO LÃNH hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH và BÊN THỤ HƯỞNG về hoặc liên quan tới Hợp đồng hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

BÊN BẢO LÃNH hoặc BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH sẽ không được giải trừ bất cứ nghĩa vụ nào theo THƯ BẢO LÃNH này cho dù có bất cứ sự sửa đổi, thay đổi, thanh toán sai lệch, gia hạn nào liên quan tới Hợp đồng hay bất kỳ sự trì hoãn ân hạn nào của BÊN THỤ HƯỞNG trong hoặc liên quan đến bất cứ vấn đề gì của Hợp đồng.

Việc đòi tiền nhiều lần theo bảo lãnh này là được phép và theo đó, Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ tự động giảm tương ứng với số tiền mà Ngân hàng đã thực hiện thanh toán cho Bên thụ hưởng theo Thư bảo lãnh.

Thư bảo lãnh được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Thư bảo lãnh sẽ [do Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật] / [sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC].

THƯ BẢO LÃNH này được phát hành duy nhất 01 (một) bản song ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh) và không được phép chuyển nhượng. Trường hợp có sự khác nhau về cách hiểu giữa nội dung tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung tiếng Việt là căn cứ pháp lý.

NGÂN HÀNG BẢO LÃNH

(Ký tên và đóng dấu)

PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

Chương này bao gồm các tài liệu: Phạm vi cung cấp, Yêu cầu kỹ thuật, Tiêu chí đánh giá kỹ thuật và Các tài liệu kỹ thuật khác + đường dẫn (link) để tham chiếu (nếu có).

(Phụ lục 1-YCKT, nhà thầu cần thỏa mãn để đạt YCKT, không phải căn cứ để chào Số lượng, tên hàng hóa).

- Nhà thầu chào số lượng, Tên hàng hóa theo Danh Mục Hàng Hóa cụ thể:





DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Vật tư tiêu hao (đá mài, đá cắt, vật tư phụ khác)/

Расходные материалы

Số ĐHXN - № заявки: DN.XNXL-0366/25-TTH

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I. VẬT TƯ THIẾT BỊ					
NHÓM I: ĐÁ CẮT - ĐÁ MÀI					
1	00.045.006.00483	Шлиф.круги / Đá cắt Ø150x3(2.5)x22.23 mm	Đá cắt dùng để cắt thép đen	Viên	39.500,00
2	00.045.006.00482	Шлифовальные круги./ Đá mài Ø150x6x22.23 mm	Theo yêu cầu kỹ thuật đính kèm./ Technical Requirement attached	Viên	32.300,00
3	00.045.006.00481	Шлифовальные круги./ Đá mài Ø180x6x22.23 mm	Dùng cho vật liệu thép đen Kích thước Φ180x6x22.23 mm Tốc độ vận hành (max): 80 m/s Số vòng quay (max): 12200 rpm Theo tiêu chuẩn EN 12413	Viên	6.000,00
4	00.045.006.00291	đá mài 3 x180 - шифкруг 3x180		pce	3.000,00
5	00.045.007.00171	Đá cắt inox 150x1.6x22.23mm - Круги отрезные для нержавеющей стали	- Sử dụng để cắt vật liệu inox - Đường kính (mm): 150 - Đường kính trong (mm): 22,00 - Độ dày (mm): 1.6 - Kiểu sản phẩm Đĩa cắt - Hình dạng đĩa Thăng Mã tham khảo: Bosch 2608600854	pce	200,00
6	00.045.006.00470	Đá mài inox 150x6.4x22.23mm - Шлифовальные круги для нержавеющей стали		Viên	100,00
7	00.045.007.00116	Đá cắt Φ350x3x25.4mm Отрезной-круг	Đá cắt Φ350x3x25.4mm/Точильный камень	Viên	150,00
8	00.045.006.00432	Đá mài quả nhót Wolfram, đuôi Ø6 Вольфрамовый шлифовальный круг, хвостовик 6	Flexo TungCard Burrsflam	pce	450,00

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
NHÓM II: VẬT TƯ TIÊU HAO PHỤC VỤ CẮT KHÍ - LẮP RÁP - HÀN					
9	00.020.009.19782	Bép cắt số 1 - режущий наконечник Режущий наконечник	Kích thước: 30 x 40 mm Chiều dài: 100 mm Trọng lượng: 0,2 kg Chiều dày vật liệu cắt: 9 - 16 mm Đầu béc được làm bằng hợp kim Stellite Xuất xứ: EU/ G7	pce	15,00
10	00.020.009.19783	Bép cắt số 2 - режущий наконечник Режущий наконечник	Kích thước: 30 x 40 mm Chiều dài: 100 mm Trọng lượng: 0,2 kg Chiều dày vật liệu cắt: 16 – 32 mm Đầu béc được làm bằng hợp kim Stellite Xuất xứ: EU/ G7	pce	210,00
11	00.020.009.19796	Bép cắt số 3 Режущий наконечник		pce	240,00
12	00.117.003.00013	Bép cắt số 4 - Cutting tip Size 4/ Режущий наконечник Режущий наконечник	* Using for hand and machine torch cutting * Size: 4 * Victor series 1 type 101 * Thickness cutting: 3 inch	pce	50,00
13	00.021.005.00213	dây cắt đôi		m	3.000,00
14	00.020.017.00030	Single stage regulator for Oxygen - Bộ van giảm áp cho bình khí Oxy Редукционный клапан для кислорода		set	10,00
15	00.131.001.01354	Pressure reducing regulator	"- Áp kế đo: 2" đến 2.5" 0-60 psi và 0-400 psi, mặt áp kế được dập gờ ở viền chống móp méo trong quá trình sử dụng - Thân vỏ bằng vật liệu đồng thau rèn, cơ tính cao - Màng chắn bằng thép kết hợp cao su Neoprene - Đầu vào có bộ lọc bằng kim loại thiêu kết - Không có mối hàn, dễ tháo lắp để bảo dưỡng - Side entry - Áp suất vào tối đa: ≥ 28 bar - Áp suất làm việc tối đa: ≥ 5 bar - Kết nối đầu vào: CGA-510 Nut & 3" Nipple - Kết nối đầu ra: phù hợp van chống cháy ngược hệ ren G 3/8" LH - Khối lượng: ≤ 1.5 kg - Conform with EN ISO 2503/ UL listed/ Equivalent	set	10,00

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			- Certificate of origin (CO) và Quality Certificate (CQ) bản gốc, bản điện tử có link tra cứu hoặc bản sao có chứng thực."		
16	00.020.017.00010	Electrical heated CO2 flowmeter regulator (have supply power 220V)/ Đồng hồ CO2 có nguồn sáy 220V Регулятор давления CO2	Đồng hồ CO2 - Thân đồng mạ Crôm - Áp lực tối đa vào 3000-4000 psi - Áp lực tối đa ra 0 ~ 50 psi - Đồng hồ vào 2 ÷ 2.5" – 4000 psi - Lưu lượng ra 0 ~ 28 LPM - Nguồn điện bộ phận sáy 220V, đảm bảo CO2 không bị đóng băng	set	10,00
17	00.020.017.00042	Quick connector for gas hose 1/4" ID (Male - Female) - Khớp nối nhanh cho dây hơi ID 1/4" (Đầu đực + Đầu cái)- Быстрое соединение для шланга 1/4" ID	- Áp suất làm việc 10 kg/cm2 - Có sẵn miếng đệm - Nhiệt độ làm việc NBR (SG) -20 - 60°C loại tiêu chuẩn - Môi trường làm việc bằng khí nén - Kích thước ống: 1/4 "	set	250,00
18	00.077.017.00305	Quick Connector (Male & Female)		pce	250,00
19	00.020.017.00043	Bộ van chống cháy ngược khí Oxygen - Flashback Arrestor for Oxygen. Комплект обратных клапанов для кислорода		set	200,00
20	00.020.017.00119*	Bộ van chống cháy ngược khí Gas - Flashback Arrestor for Gas		set	200,00
21	00.041.003.00053	Bạt chống cháy, kích thước 1mx50mx1mm. Противопожарное полотно	Nhiệt độ (Temperature Range): 550°C. Trọng lượng 880g/m2 (+10%). Khối lượng: 42kg (Net), 43kg (Gross). Kiểu dệt Satin màu sắc vàng sáng. kích thước 1mx50mx1mm	Cuộn	90,00
22	00.020.017.00011	Áp kế cao áp cho khí Oxygen, CO2, Argon - High pressure gauges for Oxygen, CO2, Argon regulator Манометр высокого давления для клапана ацетилена, CO2, аргона	2-2.5"" gauges size-brass 1.75""(44.5mm) diafragma-fabric, Thread 1/4"" Maximum inlet 3000-4000psi	pce	10,00
23	00.020.017.00012	Áp kế thấp áp Oxygen - Low pressure gauges for Oxygen regulator Манометр низкого давления для клапана кислорода	Maximum inlet 200 PSI 2-2.5"" gauges size-brass"" ,Thread 1/4"	pce	10,00
24	00.020.017.00067	Low pressure gauges for Propane regulator - Áp kế thấp áp Propane Манометр для пропана		pce	10,00

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
25	00.020.017.00068	High pressure gauges for Propane regulator - Áp kế cao áp Propane Манометр	Giá trị đo của áp kế: 0-400 psi Đường kính mặt áp kế: 2" Đơn vị đo: thể hiện theo 2 đơn vị đo áp suất psi và Kpa Đường kính của đầu nối: 1/4" NPT hoặc đường kính ngoài 13.157mm Yêu cầu phải kiểm định trước khi giao hàng	pce	10,00
26	00.020.017.00011	Áp kế cao áp cho khí Oxygen, CO2, Argon - High pressure gauges for Oxygen, CO2, Argon regulator Манометр высокого давления для клапана ацетилен, CO2, аргона	2-2.5"" gauges size-brass 1.75""(44.5mm) diafragma-fabric, Thread 1/4"" Maximum inlet 3000-4000psi	pce	10,00
27	00.019.027.02349	Cột áp của cụm van đồng hồ CO2		pce	15,00
28	00.020.017.00019	Đá đánh lửa - Single flints Кремень для зажигалки сварщика		Viên	400,00
29	00.020.017.00018	Quẹt đánh lửa cho thợ cắt - Spark lighter, round file Зажигалка сварщика	Quẹt đánh lửa bằng đá, làm bằng vật liệu inox	pce	90,00
30	00.050.001.05568	Kim thông bép / Сварочная горелка очиститель		set	30,00
31	00.053.024.00031	Phấn đá (hộp 20 viên)/ Каменный мел		Hộp	600,00
32	00.050.001.06174	Рулетка/Measuring tapes- Thước dây thép 30 mét	Vỏ được chế tạo bằng chất liệu nhựa tổng hợp siêu bền Không co giãn khi sử dụng đạt độ chính xác cao Số được in hai mặt rõ ràng bằng mực in cao cấp chống mờ, chống xước Độ dài 30m	pce	8,00
33	00.019.003.00179	Thước dây 5m Рулетка	- Chiều dài: 5m - Lưỡi chiều rộng: 19mm - Vành đai: 3 clip móc rivet, làm giảm nguy cơ vỡ - 40% - Cấp chính xác: Class II - Mã hàng hóa tham khảo: STHT36194 - Stanley	pce	10,00
34	00.019.047.00040	Li vô dài 1.2m/ Уровень строительный уровень	Xem yêu cầu kỹ thuật đính kèm/ Technical Requirement attached.	pce	2,00
35	00.019.047.00043	Li Vô 0.6m Уровень	Xem yêu cầu kỹ thuật đính kèm/ Technical Requirement attached.	pce	2,00
36	00.055.030.00369	Chổi đánh rỉ sợi xoắn Ø125 (Wire brush Ø125)/ ЩЕТКА ПРОВОЛОЧНАЯ Шлифовальный круг	Đường kính Ø125 Ren lắp ghép: M14	pce	600,00
	00.045.009.00165	Chổi đánh rỉ dạng đĩa, sợi xoắn Ø125mm	Xem yêu cầu kỹ thuật đính kèm./ Technical	pce	50,00

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Twist Knot Bevel Brushes - Щётка стальная энкор для УШМ M14/125мм	Requirement attached.		
38	00.045.009.00110	Chổi sắt đánh rỉ φ75 mm - M14 x 2 Щетка по металлу φ75 мм - M14 x 2	Chổi sắt hình côn, có vòng bảo vệ Tết bằng sợi thép cứng có đường kính 0.5 mm Kích thước: OD 3" (75 mm), Ren lắp ghép M14x2 Số vòng quay: 11500-12000 rpm	pce	50,00
39	00.045.009.00153	Chổi đánh rỉ sợi thép Ø75/ Wire cup brushes for angle grinders – Knotted wire Ø75 (3") Щётка стальная Энкор для УШМ Ø75	Xem yêu cầu kỹ thuật đính kèm/ Technical Requirement attached.	pce	20,00
40	00.045.009.00102	Chổi đánh rỉ dạng chén M14x 75 mm sợi bằng vật liệu đồng Коршечка чашечная латунь	Kích thước: OD= 3" (75 mm)x M14x 2. Lỗ ren cái M14x 2. Yêu cầu sợi của chổi bằng hợp kim đồng. Xuất xứ EU- G7	pce	20,00
41	00.036.006.00271	Nêm gỗ chèn ống. Вставка дерева	Xem yêu cầu kỹ thuật đính kèm./ Technical Requirement attached.	pce	1.800,00
42	00.036.005.00056	Gỗ thông kích thước 40 * 250 * 3000mm Pine wood 40 x 250 x 3000 mm - Сосновая доска	Gỗ thông kích thước 40 * 250 * 3000mm	ШТУК	60,00
43	00.064.001.00020	Đerевянный паллеты - Pallet gỗ	Материал: Нефтяная древесина, сухая, ударопрочная, термитная обработка. Пронумерованный передний и задний. Размеры: Д x Ш x В = 1000 x 1200MM Vật liệu: Gỗ dầu sấy khô, chịu va đập, đã qua xử lý mối mọt. Có đánh số thứ tự mặt trước & sau theo nhu cầu sử dụng). Kích thước: D x R = 1000 x 1200 mm	pce	50,00
44	00.053.012.00236	Giấy làm dưỡng khô 1÷1.2m Зеленая пресс-бумага с пленкой	Cấu tạo: Hợp chất giấy Fish có tráng lớp Polyester. Cấp cách điện: cấp E (120oC). Màu: Màu xanh lá đậm (xanh rêu). (Fish Paper Polyester Film Insulation)	Cuộn	17,00
45	00.055.020.00019	ВЕНИК МЯГКИЙ - Chổi mềm (bông đốt)	Nhãn hiệu: Phương Lâm hoặc tương đương Cán bằng nhựa PE, bắt 06 vít cổ/lưỡi má chổi. Cán dài 100cm	pce	120,00
46	00.055.020.00018	ВЕНИК ТВЕРДЫЙ - Chổi cứng (bằng cọng dừa)	Chất liệu bằng dừa	pce	120,00
47	00.029.006.00071	Dây dù Φ16mm (100m/cuộn). Канат Капроновый		Cuộn	46,00
48	00.029.003.00042	Dây nilon (dây dù) Ø18mm, 100 m/cuộn. Канат полипропиленовый		Cuộn	15,00
49	00.029.006.00036	Dây dù Φ12	Loại không giãn, dài L=200 mét	Cuộn	15,00

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Паракорд	Parachute rope Φ12 mm L=200 meters		
50	00.050.010.00059	kìm để cắt dây thép φ2 / клещи для резки стальной проволоки	Kìm Licota APT-36006BSL Kích thước: 180x55x25mm Kìm được chế tạo từ thép CR-V, có độ cứng cao (Độ cứng đầu cắt: HRC 58-62).	pce	10,00
51	00.050.002.00328	Đèn pin đội đầu Фара		set	20,00
52	00.045.008.00222	Chổi sơn 2.5" - Paint brush 2.5" Кисть малярный 2.5"	Chổi quét sơn cán nhựa hoặc gỗ, rộng 2,5" Độ dài chổi 225mm; Độ dày chổi 20mm; Chất liệu: Lông lợn thuộc trắng	pce	100,00
53	00.036.017.00244	Chổi sơn 1" картина кисти 1"/ painting brush 1"		pce	100,00
54	00.050.003.01348	Búa tạ 5kg Кувалда		pce	15,00
55	00.055.046.00269	Zamki Ổ khóa Việt tiếp	Khóa treo đồng thường 0152M chất liệu đồng & màu sắc vàng.	pce	30,00
56	00.053.001.00339	Bút lông dầu Thiên long PM 04 фломастер	- Bút lông dầu Thiên Long, gồm 2 đầu bút kích thước khác nhau. - Mực đậm, nhanh khô, ghi tốt trên nhiều loại bề mặt. Rất thích hợp ghi trên kính, đĩa CD, vé xe, bao bì nilon. - Mực không độc hại đạt tiêu chuẩn Châu Âu EN71/3, EN71/9, và Mỹ ASTM D- 4236	pce	50,00
57	00.053.001.00346	Bút xoá Thiên Long CP02	CP02	Cây	2.400,00
58	00.025.008.00597	Áo phản quang dạng lưới màu xanh Светоотражающая одежда		pce	120,00
59	00.021.002.01156	Que thỏi carbon 9.5mm x 305mm Углеродистые стержни		kg	1.200,00
60	00.021.002.01091	Que thỏi carbon Ø8mm - Углеродистые стержни Углеродистые стержни		kg	800,00
61	00.045.009.00172	Bàn chải sắt cầm tay - Щетка Металлическая		pce	38,00
62	00.020.017.00066	Điện cực EMC-P2 phục vụ cắt plasma/ Plasma cutting Electrode Сварочный электрод		pce	130,00
63	00.020.009.19791	reжуший наконечник/ Bép cắt EMC-P1.2 Сварочный наконечник		pce	39,00
64	00.020.009.19792	reжуший наконечник/ Bép cắt EMC-P1.6 Сварочный наконечник		pce	39,00

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
65	00.020.017.00049	Bếp cắt plasma - EMC-P1.8 Сварочныйнаконечник		pce	65,00
66	00.020.008.00159	'Nắp chụp ngoài EMC-P5 bảo vệ máy Plasma Заглушка		pce	40,00
67	00.020.008.00160	'Nắp chụp trong EMC-P4 bảo vệ máy cắt Plasma Заглушка		pce	40,00
68	00.020.008.00161	'Vòi phun EMC-P6 Сопло		pce	40,00
69	00.020.008.00162	'Chụp bảo vệ EMC-P3 Колпачки защитные		pce	40,00
70	00.020.017.00055	Thân mỏ cắt Plasma EMC-25 PLUS Корпус горелки		pce	1,00
71	00.041.012.00197	Bạt nhựa xanh cam, kích thước 4x50m, chất liệu PE, 28kg/cuộn. Пластиковый брезент		Cuộn	150,00
72	00.041.012.00155	Bạt xác rắn màu xanh cam, nhựa PE, kích thước 5 x 10m, may viền 40mm và đột lỗ xung quanh. Tỉ trọng: ≥170g/m2. Пластиковые брезент ткань	Bạt nhựa; Vật liệu nhựa PE; Kích thước 5x10m;Khối lượng ≥170 g/m2 ;May viền 40mm xung quanh;Trên viền có gắn các khuy sắt, khoảng cách giữa các khuy là 1m.	pce	650,00
73	00.036.017.00093	BẠT SNE - брезент Брезент		m2	2.000,00
74	00.025.006.00121	Kính trắng cho mặt nạ hàn kích thước 3x50x105mm/ Welding safety glass white Сварка Защитные очки белый	Sử dụng cho nón hàn Vật liệu: Polycarbonate Kích thước: 3x (35/ 50) x105 mm	pce	25.000,00
75	00.025.006.00120	Kính đen cho mặt nạ hàn kích thước 3x50x105mm. Черное стекло для сварочной маски		pce	100,00
76	00.053.013.00105	ЛЕНТА БУМАЖНАЯ 5CM - Băng keo giấy	- Với khả năng chịu nhiệt tốt, dán nhanh, dễ bóc và xé, Viết lên tiện lợi, mềm nhẹ, không sót lại sau khi bóc ra. - Màu kem - Rộng 50 mm - Dài 30 m Mã thao khảo: Tolsen 50246	pce	262,00
77	00.019.005.00451	Bút sáp thử nhiệt Tempindic 66 độ C. Термоиндикаторные карандаши		pce	150,00
78	00.019.005.00453	Bút sáp thử nhiệt Tempindic 150 độ C Ручка для тепловых испытаний		pce	150,00
79	00.019.005.00456	Bút thử nhiệt 110 độ C - Термоиндикаторные карандаши Ручка для тепловых испытаний		pce	150,00

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
80	00.019.005.00520	Bút thử nhiệt cho thợ hàn Термометр		pce	150,00
81	00.055.040.00195	Xô đựng que hàn Ведро для электродов		pce	50,00
82	00.117.003.01354	Mỏ thổi cực than 1000 - 1400A ГОРЕЛКА ДЛЯ СТРОЖКИ	Cường độ dày thổi max: 1400A Chiều dài dây: 2m Đầu kim hàn được làm bằng hợp kim đồng. Đầu kẹp chắc chắn để giữ que hàn ở mọi vị trí. Tay cầm/ tay kim làm bằng sợi thủy tinh, cách nhiệt tốt.	pce	18,00
NHÓM III: VẬT TƯ GIÀN GIÁO VÀ CHỐNG ẪN MÒN VÀ CÁC LOẠI VẬT TƯ KHÁC					
83	00.045.006.00663	Đĩa nhám xếp Ø100mm, độ nhám A40/ Flap disc Ø100mm. Лепестковые шлифовальные круги 100мм		pce	1.200,00
84	00.045.006.00505	Đĩa mài giấy nhám xếp lớp φ125x22 Flap disc./ Лепестковые шлифовальные круги	- Đường kính ngoài: ~ 125 mm. - Đường kính lỗ trục: ~22 mm. - Dải cỡ hạt nhỏ nhất từ: #40	pce	600,00
85	00.036.017.00236	Dây thép mềm trắng kẽm Φ2mm Проволонка Оцин.		kg	4.500,00
86	00.046.005.00684	Dung môi tẩy rửa tổng hợp - Mixed thinner Растворитель для очистки	Dung môi tẩy rửa tổng hợp Hỗn hợp Toluene:Axeton:Cồn 96% theo tỷ lệ 4:3:3	L	2.500,00
87	00.063.001.00065	BỆTOSHЬ Giẻ lau Giẻ lau/Ветошь		kg	700,00
88	00.045.008.00270	Rulo lăn sơn 10cm /Малярный валик		pce	70,00
89	00.045.008.00217	Bông cho ru lô lăn sơn Шубка для валика	Dùng cho sơn công nghiệp 2 thành phần chịu được dung môi. Bông vải bằng chất liệu polyarcylic, lớp bông dày 14mm, độ rộng 110mm, đường kính lõi nhựa 12-13mm, phù hợp với ru lô có khung sắt Ø6 mạ kẽm.	pce	150,00
90	00.045.004.00144	Giấy nhám cuộn Наждачная бумага для очистки металла	Giấy nhám cuộn Độ hạt giao động từ #40 :- #1000. Khả năng mài nhám cực cao, đánh bóng Inox, hợp kim, kim loại...	m2	200,00
91	00.025.098.00004	Mì ca trong suốt 0.2mm	Vật liệu mica trong suốt. Độ dày 0.2mm. Dạng cuộn, bề rộng 800-1000 mm	m2	300,00
92	00.118.004.00067	RAC 5 Switch Tip 213 -Graco Концевой выключатель 213 – Graco или эквивалент/ Pép phun sơn 213-Graco hoặc tương đương		pce	6,00
93	00.118.004.00068	RAC 5 Switch Tip 217 -Graco Выключатель Наконечник 217- Graco		pce	6,00
	00.118.004.00069	RAC 5 Switch Tip 325- Graco		pce	6,00

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Концевой выключатель 325 – Graco или эквивалент/ Péc phun sơn 325-Graco hoặc tương đương			
95	00.118.005.00089	Đầu vòi phun cát Tungsten Carbide Nozzle NTL-650_ROBSON Сопло из карбида вольфрама NTL-650_ROBSON	Vòi phun cát lớp lót bằng Tungsten Carbide; Bước ren lớn (50mm contractor thread); Đường kính lỗ (Orifice):9,5 mm; Dài (Length): 170mm; Đầu vào (Inlet) 32mm; Lớp vật liệu bên trong là Tungsten Carbide; lớp vỏ bên ngoài là Aluminum	pce	15,00
96	00.045.011.00074	Súng phun sơn-Silver plus gun ,includes Rac 5 dripless tip, 517 size switch tip and 2 finger trigger Безвоздушный распылитель краски		pce	6,00
97	00.045.011.00075	Dây sơn 1/4" x 50f (6.3mm x 15m) Шланг для покрасочного аппарата 1/4" x 50f (6.3mm x 15m)		Roll	10,00
98	00.045.011.00094	Airless hose 3/8"x50F (9.5mm x15m) for airless paint machine Рукав 3/8 дюйма x50F (9,5 мм x15 м) для безвоздушной окрасочной машины	Dây sơn dùng cho máy sơn không không khí 9.5mm x15m; Core: Nylon/Polyamide; Braid: Polyester Textile Fiber/ High Tensile Carbon Steel; Cover: Polyurethane; 3/8" ID coupled with 3/8" npt(mbe) swivel female at both ends; Length: 15.2 m (50ft);Max.working pressure: ≥ 3300 psi. Part No. 240797 Nhà sản xuất Graco hoặc tương đương. Xem yêu cầu kỹ thuật đính kèm.	pce	12,00
99	00.118.004.00015	Sandblast Hose L=40m (innerD=25 mm, Outer D=39mm) Пескоструйный шланг D39		pce	15,00
100	00.046.006.00157	Bình sơn xịt màu trắng - КРАСКА БЕЛАЯ РАСПЫЛИТЕЛЬНАЯ В БАЛЛОНЕ 400МЛ	- Dạng lon, thể tích 400ml (280g), có núm van ấn xịt sơn và nắp đậy - Màu sắc : Trắng	pce	900,00
101	00.046.004.00166	Bình sơn xịt Краска распылительная в баллоне 400мл		Bình	150,00
102	00.038.010.07429	Thép φ10 Сталь		Cây	150,00
103	00.025.001.00184	Dây cảnh báo an toàn -loại cò đuôi nheo, trắng và đỏ-theo mẫu Ограждение с флажками		m	3.000,00
104	00.041.005.00477	Băng keo cách điện Nano 0.12mm x 18mm x20Y/ Электрический изолента Изолента	Băng keo cách điện Tham khảo Type: 0.12mm x 18mm x20Y (Nano) hoặc tương đương	Cuộn	141,00
	00.041.005.00265	ЛЕНТАФУМ МАЛЕНКИЙ - Cao su non		pce	211,00

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Cao su non			
106	00.055.030.00371	Bao rác đen Черные мешки для мусора		kg	600,00
NHÓM III: VẬT TƯ GIÀN GIÁO VÀ CHỐNG ẪN MÒN VÀ CÁC LOẠI VẬT TƯ KHÁC					
107	00.053.007.00058	Giấy vệ sinh - Туалетная бумага	"Nhãn hiệu An An hoặc tương đương Kích thước tờ 90mmx108mm - размер листа -90ммx108мм 100% bột giấy/an an"	Cuộn	200,00
NHÓM III: VẬT TƯ GIÀN GIÁO VÀ CHỐNG ẪN MÒN VÀ CÁC LOẠI VẬT TƯ KHÁC					
108	00.067.002.00019	Lưới B40 Сетка		m	100,00
109	00.029.004.00084	Dây xơ dừa - Manila rope Ø20mm (100m/ cuộn) Канат из кокосового волкна		Cuộn	8,00
110	00.042.004.00133	Cao su tấm 5mm/ Резина листовая 5mm	WxT : 1000mm x 5 mm. Working temperature : 250 degrees Celsius (Tấm cao su đồ chịu nhiệt)	m2	40,00
111	00.042.003.00033	Cao su tấm 2x1000x2000 mm Резиновый лист		m2	80,00
112	00.053.038.00614	Keo con chó	X-66 /Dog/Việt Nam	kg	81,00
113	00.059.008.00003	Mỡ bò Смазки пластичные	Mỡ Lithium chịu nhiệt cao-High temperature lithium grease- 15kg (Mekong)	kg	250,00
114	00.031.001.00099	Xà bông bột -Стиральный порошок		PKG	130,00
115	00.036.011.00016	Vôi bột Известковый порошок		kg	260,00
116	00.025.001.00185	Dây cảnh báo an toàn, nylon màu trắng và đỏ Лента оградительная	Màu sắc: Trắng đỏ Độ rộng: ≥8cm Độ dài: 70 – 80 (m/cuộn) Chất liệu: nhựa PP	Cuộn	900,00
117	00.029.003.00003	Dây cước - Нитка пластмасовая Dây cước cột cờ		m	3.000,00
118	00.055.051.00070	Gương giấy Leica GZM31 Марки рефлекторные Leica		pce	650,00
119	00.061.005.00078	Đinh thép 5cm- Стальные гвозди		kg	4,00

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
120	00.025.002.00028	Găng tay hàn Рукавицы для сварщика		Đôi	40,00
121	00.030.014.00056	Axit tẩy rửa môi hàn thép trắng - CT501	Dùng để tẩy rửa môi hàn inox Loại MQ-500 hoặc tương đương Dung tích 500 ÷ 1000 ml/ chai	L	50,00
122	00.025.020.00136	Mo mài Шлифовальная защитная маска		pce	120,00
123	00.025.006.00106	Mo cắt/ ЩИТОК МАСКА ДЛЯ ШЛИФОВЩИКА		pce	20,00
124	00.020.015.00066	Bếp hàn Panasonic 1.2mm (Đầu hàn) - Contact tip Pana 500A Контактный наконечник	Xem yêu cầu kỹ thuật đính kèm/ Technical Requirement attached.	pce	2.000,00
125	00.117.003.01374	Chụp khí Panasonic 500 A Газовое сопло		pce	600,00
126	00.020.015.00041	Khớp nối đầu hàn Pana 500A - Tip holder Pana 500A Адаптер сварочного наконечника		pce	250,00
127	00.020.015.00040	Insulator Pana 500A - Chụp cách điện Pana 500A Изолятор Pana	Xem yêu cầu kỹ thuật đính kèm/ Technical Requirement attached.	pce	500,00
128	00.021.005.00458	Chuôi mỏ hàn TIG Хвостовик сварочной горелки		pce	80,00
129	00.020.016.00001	Collet for TIG torch D 2.4mm - Кẹp kim hàn TIG D=2.4mm Цанга для горелки TIG D 2.4мм	Fit SR PDA DB WP 9 20 25 TIG Welding Torch TIG Collets 13N23 3/32"" 2.4mm Material: copper CO và CQ bản sao (copy)	pce	325,00
130	00.021.002.00877	Kim hàn TIG 2.4mm Присадочный пруток	10 PCE / 1 BOX	Hộp	65,00
131	00.020.010.00296	Chụp sứ hàn TIG số:7 Керамическая насадка сварочной горелки	Sứ hàn Tig số 7 Gồm thoát khí có lọc khí cho kim 2.4 mm	pce	178,00
132	00.020.010.00151	Chụp sứ hàn TIG số: 6 Керамическая насадка сварочной горелки	Phù hợp với bộ mỏ hàn TIG tiêu chuẩn. Hàng mới, sản xuất năm: 2016 hoặc sau đó. Xuất sứ: EU, G7, Korea, Thailand, Indonesia, Malaysia, India, Taiwan, Việt nam...	pce	188,00
133	00.025.002.00234	Găng tay cao su/ Перчатки резиновые		Đôi	200,00
134	00.041.005.00610	ЛЕНТА ЛИПКАЯ ДВУХ-СТРОННАЯ Băng keo xấp 2 mặt (Khô 5cm, 18m/cuộn) ЛЕНТА ЛИПКАЯ ДВУХ-СТРОННАЯ		Cuộn	162,00
	00.053.013.00105	ЛЕНТА БУМАЖНАЯ 5CM - Băng keo giấy	- Với khả năng chịu nhiệt tốt, dán nhanh, dễ bóc và xé,	pce	227,00

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			Viết lên tiện lợi, mềm nhẹ, không sót lại sau khi bóc ra. - Màu kem - Rộng 50 mm - Dài 30 m Mã thao khảo: Tolsen 50246		
136	00.055.040.00201	Gáo inox ковш из нержавеющей стали		pce	8,00
137	00.030.023.00274	Silicon 330ml Apollo A600-300ml		TUB	88,00
138	00.046.003.00138	Băng keo Лента		Cuộn	100,00
139	00.061.009.15170	Chốt chèn dùng cho ma ní 85T/ Split pin/ Шплинт		pce	10,00
140	00.061.009.15346	Chốt chèn dùng cho ma ní 25T Split pin/ Шплинт		pce	30,00
141	00.061.009.15345	Chốt chèn dùng cho ma ní 35T Split pin/ Шплинт		pce	30,00
142	00.061.001.00756	Bulong M10x30 bolts/ болты M10x30		pce	2.800,00
143	00.025.008.00422	Bộ quần áo đi mưa Плащ дождевой		set	50,00
144	00.029.006.00067	Dây dù 1mm (200g/cuộn)/ Веревка синтетическая.		Cuộn	33,00
145	00.053.001.00034	Bút lông dầu Маркеры		pce	91,00
146	00.020.017.00016	Đai xiết (cổ dê) inox cho loại dây hơi 1/4" - Inox Screw for gas hose ID 1/4 inch	cho dây khí đường kính 6.5 x 12mm, vật liệu: Inox	pce	1.950,00
147	00.040.012.01105*	Cổ dê Хомут	Cổ dê cho dây khí đường kính 8 x 15mm Vật liệu: Inox	pce	1.040,00
148	00.020.017.00017	Đai xiết (cổ dê) inox cho loại dây hơi 3/8" - Inox Screw for gas hose ID 3/8 inch	Cổ dê cho dây khí đường kính 13.0 x 21.5mm Vật liệu: Inox	pce	200,00
149	00.041.005.00310	Băng keo trong - Прозрачный скотч	Băng keo trong chiều rộng 5 phân, chiều dài 1 cuộn tối thiểu 100 yard	Cuộn	50,00
150	00.041.005.00336	BĂNG KEO GIẤY 48mm - КЛЕЙКАЯ ЛЕНТА малярный скотч	Băng keo giấy 48mm, giấy trắng viết được/ 48mm*18m Độ Dày: 0.13 - 0.18mm Màu sắc: Trắng	Cuộn	72,00

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			Chịu Lực: > 30N/10mm Lực bám dính: ≥ 24N/10mm Độ giãn: < 170% Đặc điểm: Viết được, chịu nhiệt, không thấm nước Hạn sử dụng: 2 năm		
151	00.041.005.00618	Băng keo giấy 3M320/ 3M Masking tape 2" 3M320 КЛЕЙКАЯ ЛЕНТА	Băng keo giấy, độ rộng 2 inches	Cuộn	100,00
152	00.053.038.01132	Băng keo giấy	Băng keo giấy 36 MM x 50 YAR	Cuộn	100,00
153	00.037.006.00455	Tôn 0.3mm Стальной лист		m2	400,00
154	00.037.021.03723	Tôn phẳng/ Оцинкованный стальной лист: 1mm, kích thước 1.2m x 6.0m Оцинкованный стальной лист:		m2	200,00
155	00.020.017.00080	Đuôi chuột gas Соединитель		pce	150,00
156	00.020.017.00105	Đuôi chuột oxy Медный соединитель для шланга	Cút nối đuôi chuột nối van chống cháy và ống dây dẫn khí, chất liệu đồng thau phù hợp cho đồng hồ oxy.	pce	150,00
157	00.061.009.15019	BÀNH XE Φ200 колесико Φ200		pce	4,00
158	00.010.021.00107	Dây rút nhựa 8x300mm, 100 sợi/bịch/ Cable tie Кабельные стяжки		Box	30,00
159	00.020.017.00022	Quick connector for gas hose 3/8" ID (Male - Female) - Khớp nối nhanh cho dây hơi ID 3/8" (Đầu đực + Đầu cái) Быстрое соединение для шланга 3/8" ID	- Vật liệu: thép không rỉ - Recommend model: Nitto 30SH + 30PH - Đuôi chuột đường kính trong: 9.5-12mm - Bao gồm đầu đực và cái.	set	60,00
160	00.024.005.00230	Khớp nối nhanh (Đầu đực + Đầu cái) Быстorableзъемный соединитель	БЫСТРОРАЗЪЕМНЫЙ СОЕДИНИТЕЛЬ	set	40,00
161	00.020.015.00042	Khuếch tán khí bằng sứ Pana 500A Газовый диффузор		pce	300,00
162	00.020.015.00043	Ruột dây dẫn hàn (ruột gà) Pana 500A, 1.2/1.6mm Проволокопровод		pce	100,00
163	00.020.015.00044	Cổ công súng hàn Pana 500A Шейка сварочной горелки	Xem yêu cầu kỹ thuật đính kèm/ Technical Requirement attached.	pce	60,00
164	00.021.005.00456	Sứ lót đường hàn tròn Ø10 mm WS-606 Керамическая подклака для сварки		m	100,00

II. DỊCH VỤ



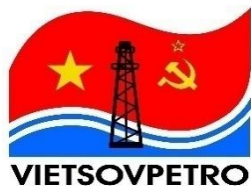
New items

02.XNXL.PO.Lap DH tu mua_Project - ИОСОМ.Закупки.Сост.заявки на самоза

20/06/2025 14:15:58 PM

Trang 13/14

Văn bản này được xác thực tại <https://eoffice.vietsov.com.vn> với số định danh: 1414/25-DH-PQLDA/XL



**DAI HUNG NAM PROJECT, DAI HUNG FIELD DEVELOPMENT,
BLOCK 05-1(A), OFFSHORE VIETNAM**

**“PHÊ DUYỆT”
GIÁM ĐỐC XNXL**

Signed by: Phạm Thanh Bình
Date: 12/06/2025 14:54:07
Certified by: Vietsovpetro CA


PHẠM THANH BÌNH

**YÊU CẦU KỸ THUẬT
CUNG CẤP VẬT TƯ TIÊU HAO (ĐÁ MÀI, ĐÁ CẮT, VẬT TƯ PHỤ
KHÁC) PHỤC VỤ CHẾ TẠO BỜ KẾT CẤU
CHÂN ĐÉ VÀ CỌC GIÀN WHP-DHN**

**SỐ TÀI LIỆU : WHP-DHN-B.II.8-TR
REV : 0**

PHÁT HÀNH CHO ĐẦU THẦU



	YÊU CẦU KỸ THUẬT CUNG CẤP VẬT TƯ TIÊU HAO (ĐÁ MÀI, ĐÁ CẮT, VẬT TƯ PHỤ KHÁC) PHỤC VỤ CHẾ TẠO BỜ KẾT CẤU CHÂN ĐẾ VÀ CỌC GIÀN WHP-DHN	DOC. NO.	WHP-DHN-B.II.8-TR
		REV.	0
		Page 3 of 5	

1. Mục đích & phạm vi sử dụng vật tư.

- Vật tư tiêu hao được sử dụng để phục vụ thi công chế tạo trên bờ chân đế giàn WHP-DHN.
- Điều kiện và môi trường sử dụng: Môi trường chịu tác động ẩm, ăn mòn biển nhiệt đới, nhiệt độ môi trường làm việc 16 - 45 độ C. Độ ẩm 30-90 %.


2. Phạm vi cung cấp.

- Nhà cung cấp được yêu cầu phải cung cấp đủ và đúng tất cả các mục trong từng nhóm đã được quy định trong “*Phụ Lục 1-Danh mục vật tư tiêu hao (Đá mài, đá cắt, vật tư phụ khác) phục vụ thi công chế tạo trên bờ chân đế và cọc giàn WHP-DHN*”.

3. Yêu cầu chung đối với vật tư.

- Nhà thầu cần xác nhận và cung cấp các tài liệu kỹ thuật liên quan để chứng minh sự đáp ứng của hàng hóa về các Yêu cầu về đặc tính kỹ thuật và chủng loại vật liệu được mô tả trong “*Phụ Lục 1 - Danh mục vật tư tiêu hao (Đá mài, đá cắt, vật tư phụ khác) phục vụ thi công chế tạo trên bờ chân đế và cọc giàn WHP-DHN*”.
- **Đối với đá cắt, đá mài:**
 - + Tiêu chuẩn chế tạo: Phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế đối với đá mài, cắt như AS 1788.1/ EN 12413.
 - + Trên sản phẩm phải Marking đủ thông tin theo tiêu chuẩn AS 1788.1/ EN12413 (Safety requirements for Bonded Abrasive Products).
 - + Hàng hóa đã được sử dụng hoặc thử nghiệm tại XNXL. Nếu hàng mới, yêu cầu nhà thầu gửi kèm tối thiểu 5 mẫu theo hồ sơ chào thầu để XNXL thử nghiệm trong quá trình đánh giá thầu.
- Tiêu chuẩn chế tạo các vật tư khác: Phải phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế về chế tạo thiết bị hàn, cắt Kim loại, ống dẫn khí cắt Kim loại, v.v... và theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- Hàng hóa có đặc tính kỹ thuật phải phù hợp với thiết bị/ dụng cụ hiện có của XNXL, KS&SC Vietsovpetro (XNXL).



	YÊU CẦU KỸ THUẬT CUNG CẤP VẬT TƯ TIÊU HAO (ĐÁ MÀI, ĐÁ CẮT, VẬT TƯ PHỤ KHÁC) PHỤC VỤ CHẾ TẠO BỜ KẾT CẦU CHÂN ĐẾ VÀ CỌC GIÀN WHP-DHN	DOC. NO.	WHP-DHN-B.II.8-TR
		REV.	0
		Page 4 of 5	

4. Xuất xứ hàng hóa.

- Tiêu chuẩn đánh giá hàng hóa từ các xuất xứ khác nhau được quy định theo bảng điểm đính kèm hồ sơ mời thầu, mỗi phương án là một nhà sản xuất và có các tài liệu hỗ trợ kỹ thuật và xuất xứ đi kèm đối với nhà sản xuất đó.
- Nhà thầu được khuyến nghị xuất xứ hàng hóa theo các nước gồm Korea, Singapore, Australia, EU/G7 theo từng mục hàng hoá được được mô tả trong “ *Phụ Lục 1-Danh mục vật tư tiêu hao (Đá mài, đá cắt, vật tư phụ khác) phục vụ thi công chế tạo trên bờ chân đế và cọc giàn WHP-DHN*” (Có yêu cầu về chứng chỉ CO & CQ).
- Trong hồ sơ chào thầu nhà thầu phải nêu rõ tên Nhà sản xuất và xuất xứ (Nước sản xuất) của hàng hóa.

5. Yêu cầu về năm sản xuất.

- Tất cả hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng.
- Được sản xuất từ 01/2025 trở về sau và không quá 6 tháng tính từ ngày giao hàng.

6. Thời gian & Địa điểm giao hàng.

- Giao hàng trong 3 đợt, dự kiến từ 08/2025 -07/2026. Trong đó thời gian giao hàng đợt 1 là 28 ngày lịch kể từ ngày phát hành LOI (ngày thông báo trúng thầu). Các đợt tiếp theo, số lượng cụ thể của hàng hóa mỗi lần giao sẽ theo tiến độ dự án và giao trong vòng 28 ngày lịch kể từ ngày XNXL KS&SC gửi công văn huy động.
- Địa điểm giao hàng: tại Kho của Xí nghiệp Xây lắp - Địa chỉ số 67, Đường 30 tháng 4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh.


7. Yêu cầu về đóng gói và vận chuyển hàng hóa.

- Hàng hóa phải được đóng gói theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất, đảm bảo thuận tiện trong việc vận chuyển và bảo quản trong kho.
- Bao bì hàng hóa bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin: Ký mã hiệu sản phẩm, tên nhà sản xuất, ...; trên hàng hóa có dấu hiệu nhận dạng của nhà sản xuất.
- Khi giao hàng tại phải tuân thủ theo Quy định trong tài liệu VSP-000-ATMT-448.

8. Yêu cầu về bảo hành.

- Vật tư của nhà thầu cung cấp cần được bảo hành tối thiểu 06 tháng kể từ ngày giao hàng.



	YÊU CẦU KỸ THUẬT CUNG CẤP VẬT TƯ TIÊU HAO (ĐÁ MÀI, ĐÁ CẮT, VẬT TƯ PHỤ KHÁC) PHỤC VỤ CHẾ TẠO BỜ KẾT CẤU CHÂN ĐẾ VÀ CỌC GIÀN WHP-DHN	DOC. NO.	WHP-DHN-B.II.8-TR
		REV.	0
		Page 5 of 5	

9. Yêu cầu về chứng chỉ.

- Nhà thầu phải cung cấp tất cả chứng chỉ liên quan cho XNXL, KS&SC (Vietsovetro) trước khi giao hàng.
- Nhà thầu cung cấp Chứng chỉ xuất xứ & Chứng chỉ chất lượng, số lượng (CO và CQ) bản sao (Copy) có mộc của nhà nhập khẩu hoặc phân phối cho các mục hàng hóa có yêu cầu về xuất xứ và được nêu cụ thể trong “*Phụ Lục 1-Danh mục vật tư tiêu hao (Đá mài, đá cắt, vật tư phụ khác) phục vụ thi công chế tạo trên bờ chân đế và cọc giàn WHP-DHN*”.
- Chứng nhận bảo hành tối thiểu 12 tháng của Nhà cung cấp (bản gốc).

10. Tài liệu kỹ thuật đề xuất trong giai đoạn đấu thầu.

- Nhà thầu cung cấp tất cả các “Catalogue, tài liệu kỹ thuật hoặc mẫu thử” do nhà sản xuất phát hành, có chỉ rõ Model (loại) và các thông số kỹ thuật của hàng hóa mà nhà thầu đã chào trong Phụ lục 1. (Nếu hàng hóa nhập khẩu, catalog có ngôn ngữ dạng tiếng Anh)
- Danh mục hàng hóa bao gồm đặc tính kỹ thuật, số lượng, tên nhà sản xuất/nhà cung cấp, xuất xứ.

11. Tài liệu đính kèm.

- Phụ lục 1-Danh mục vật tư tiêu hao (Đá mài, đá cắt, vật tư phụ khác) phục vụ thi công chế tạo trên bờ chân đế và cọc giàn WHP-DHN.

(Nhà thầu không chào theo số lượng và đơn vị tính tại Phụ lục này.

Phụ lục 1-YCKT, nhà thầu cần thỏa mãn để đạt YCKT, không phải căn cứ để chào Số lượng, tên hàng hóa).





**PHỤ LỤC 1: DANH MỤC VẬT TƯ TIÊU HAO (ĐÁ CẮT, ĐÁ MÀI, VẬT TƯ PHỤ KHÁC)
PHỤC VỤ THI CÔNG CHẾ TẠO BỜ CHÂN ĐỂ VÀ CỌC GIÀN WHP-DHN**

STT	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa	Đặc Tính Kỹ Thuật	ĐVT (Unit)	Tổng Đại Hùng Nam dự kiến mua	Thời gian giao hàng	Ghi chú
NHÓM I: ĐÁ CẮT - ĐÁ MÀI						
1	Đá cắt 150x3 Отрезные круги	80m/s, 10200 rpm A24Etrax, tiêu chuẩn quốc tế đối với đá mài, cắt như AS 1788.1/ EN 12413 Marking đầy đủ thông tin theo tiêu chuẩn AS 1788.1/ EN12413 (Safety requirements for Bonded Abrasive Products)	viên	39,500	28 ngày kể từ LOI	Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp
2	Đá mài 150x6 Шлифовальные круги	80m/s, 10200 rpm A24Etrax, tiêu chuẩn quốc tế đối với đá mài, cắt như AS 1788.1/ EN 12413 Marking đầy đủ thông tin theo tiêu chuẩn AS 1788.1/ EN12413 (Safety requirements for Bonded Abrasive Products)	viên	32,300	28 ngày kể từ LOI	
3	Đá mài 180 x6 Шлифовальные круги	80m/s, 8500 rpm, A24Etrax, tiêu chuẩn quốc tế đối với đá mài, cắt như AS 1788.1/ EN 12413 Marking đầy đủ thông tin theo tiêu chuẩn AS 1788.1/ EN12413 (Safety requirements for Bonded Abrasive Products)	viên	6,000	28 ngày kể từ LOI	
4	Đá mài 180 x3 Шлифовальные круги	80m/s, 8500 rpm, A24Etrax, tiêu chuẩn quốc tế đối với đá mài, cắt như AS 1788.1/ EN 12413 Marking đầy đủ thông tin theo tiêu chuẩn AS 1788.1/ EN12413 (Safety requirements for Bonded Abrasive Products)	viên	3,000	28 ngày kể từ LOI	
5	Đá cắt inox 150x1.6	80m/s, 10200 rpm AS60 T INOX-BF (Iron free), Tiêu chuẩn EN 12413 Marking lên bề mặt đĩa đầy đủ thông tin theo tiêu chuẩn EN12413 Chỉ chấp thuận các đá đã được test tại XNXL và có báo cáo. Với các đá chưa từng được test và có báo cáo, nhà thầu cần gửi tối thiểu 5 mẫu để được thử nghiệm trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu.	Viên	200	28 ngày kể từ LOI	
6	Đá mài Inox 150x6.4	80m/s, 10200 rpm AS30 S INOX-BF (Iron free), Tiêu chuẩn EN 12413 Marking lên bề mặt đĩa đầy đủ thông tin theo tiêu chuẩn EN12413 Chỉ chấp thuận các đá đã được test tại XNXL và có báo cáo. Với các đá chưa từng được test và có báo cáo, nhà thầu cần gửi tối thiểu 5 mẫu để được thử nghiệm trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu.	Viên	100	28 ngày kể từ LOI	
7	Đá cắt 350x3 Отрезные круги	Dia :350x3mm; Max speed : 4400rpm, tiêu chuẩn quốc tế đối với đá mài, cắt như AS 1788.1/ EN 12413 . Marking đầy đủ thông tin theo tiêu chuẩn AS 1788.1/ EN12413 (Safety requirements for Bonded Abrasive Products).	viên	150	28 ngày kể từ LOI	Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp
8	Mũi mài dùi	Đá mài quả nhót Wolfram Flexo. Cardide Brurrs Flam, Quy cách 12.7x25x6mm.	Cái	450	28 ngày kể từ LOI	



STT	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa	Đặc Tính Kỹ Thuật	ĐVT (Unit)	Tổng Đại Hùng Nam dự kiến mua	Thời gian giao hàng	Ghi chú
NHÓM II: VẬT TƯ TIÊU HAO PHỤC VỤ CẮT KHÍ - LẮP RÁP - HÀN						
9	Bếp cắt số 1	-Tương thích mô cắt TANAKA HC-391 -Cắt được chiều dày: 5-15mm -Khí cháy sử dụng: LPG -Bếp 2 chi tiết, 3 tầng/ Two-pieces, triple-seat cutting nozzle. C24	Cái	15	28 ngày kể từ LOI	Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp
10	Bếp cắt số 2	-Tương thích mô cắt TANAKA HC-391 -Cắt được chiều dày: 15-30mm -Khí cháy sử dụng: LPG -Bếp 2 chi tiết, 3 tầng/ Two-pieces, triple-seat cutting nozzle.	Cái	210	28 ngày kể từ LOI	
11	Bếp cắt số 3	-Tương thích mô cắt TANAKA HC-391 -Cắt được chiều dày: 30-40mm -Khí cháy sử dụng: LPG -Bếp 2 chi tiết, 3 tầng/ Two-pieces, triple-seat cutting nozzle.	Cái	240	28 ngày kể từ LOI	
12	Bếp cắt số 4	-Tương thích mô cắt TANAKA HC-391 -Cắt được chiều dày: 40-50mm -Khí cháy sử dụng: LPG -Bếp 2 chi tiết, 3 tầng/ Two-pieces, triple-seat cutting nozzle.	Cái	50	28 ngày kể từ LOI	
13	Dây cắt đôi	Three layer hoses, made of SBR/EPDM/CR rubber, with textile fibre reinforcement. Inner tube resistant to gas, reinforcement with high strength synthetic fabrics and outer tube resistant to abrasion and weather Working pressure: 20 bar; Bursting pressure: 60 bar ID 1/4" Blue for Oxygen & Red for Fuel Gas Conform with ISO 3821/ Equivalent	m	3,000	28 ngày kể từ LOI	Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp
14	Bộ giảm áp Oxygen/ Regulator for Oxygen	-Áp kế đo: 2" đến 2.5" 0-200 psi and 0-4000 psi, mặt áp kế được dập gờ ở viền chống móp méo trong quá trình sử dụng -Thân vỏ bằng vật liệu đồng thau rèn, cơ tính cao -Màng chắn bằng thép kết hợp cao su Neoprene -Có van xả an toàn đối với đầu ra -Đầu vào có bộ lọc bằng kim loại thiêu kết -Không có mối hàn, dễ tháo lắp để bảo dưỡng -Side entry -Áp suất vào tối đa: ≥ 280 bar -Áp suất làm việc tối đa: ≥ 14 bar -Kết nối đầu vào: CGA-540 Nut & 3" Nipple -Kết nối đầu ra: phù hợp van chống cháy ngược hệ ren G 3/8" RH -Khối lượng: ≤ 1.5 kg -Conform with EN ISO 2503/ UL listed/ Equivalent -Certificate of origin (CO) và Quality Certificate (CQ) bản gốc, bản điện tử có link tra cứu hoặc bản sao có chứng thực.	Set	10	28 ngày kể từ LOI	- Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp -Yêu cầu phải kiểm định trước khi giao hàng (Thực hiện bởi tổ chức/ công ty được cơ quan chức năng có thẩm quyền cho phép)



STT	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa	Đặc Tính Kỹ Thuật	ĐVT (Unit)	Tổng Đại Hùng Nam dự kiến mua	Thời gian giao hàng	Ghi chú
15	Bộ giảm áp LPG/ Regulator for LPG	<ul style="list-style-type: none"> -Áp kế đo: 2" đến 2.5" 0-60 psi và 0-400 psi, mặt áp kế được dập gờ ở viền chống móp méo trong quá trình sử dụng -Thân vỏ bằng vật liệu đồng thau rèn, cơ tính cao -Màng chắn bằng thép kết hợp cao su Neoprene -Đầu vào có bộ lọc bằng kim loại thiêu kết -Không có mối hàn, dễ tháo lắp để bảo dưỡng -Side entry -Áp suất vào tối đa: ≥ 28 bar -Áp suất làm việc tối đa: ≥ 5 bar -Kết nối đầu vào: CGA-510 Nut & 3" Nipple -Kết nối đầu ra: phù hợp van chống cháy ngược hệ ren G 3/8" LH -Khối lượng: ≤ 1.5 kg -Conform with EN ISO 2503/ UL listed/ Equivalent 	Set	10	28 ngày kể từ LOI	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp -Yêu cầu phải kiểm định trước khi giao hàng (Thực hiện bởi tổ chức/ công ty được cơ quan chức năng có thẩm quyền cho phép)
16	Bộ giảm áp khí CO2 có sấy bằng điện/ Electrically Heated CO2 Flowmeter Regulator	<ul style="list-style-type: none"> -Designed for CO2 application (non-siphon tube cylinders) -Thân vỏ bằng vật liệu đồng thau rèn, cơ tính cao -Đầu vào có bộ lọc bằng đồng thiêu kết -Có bộ sấy điện được điều khiển để CO2 được làm ấm và khí được cấp ra liên tục mà không bị đóng băng. -Nguồn điện cấp cho bộ sấy: 220V -Áp kế đo: 2" đến 2.5" $\approx 0-4000$ psi và lưu lượng kế $\approx 0-28$ LPM (0-60 SCFH) -Lưu lượng đầu ra: ≥ 28 LPM (60 SCFH) -Áp suất đặt trước: ≈ 50 PSI -Kết nối đầu vào: Bao gồm hai loại đầu nối CGA-580 Nut & 3" Nipple for WP15 QF-2D và CGA-540 Nut & 3" Nipple for WP15 QF-2A -Kết nối đầu ra: bao gồm đầu nối với dây khí CO2 1/4" ID 	Set	10	28 ngày kể từ LOI	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp -Yêu cầu phải kiểm định trước khi giao hàng (Thực hiện bởi tổ chức/ công ty được cơ quan chức năng có thẩm quyền cho phép)
17	Khớp nối nhanh (đực - cái) cho dây khí Gas có đường kính trong 1/4"/ Quick connect for gas hose 1/4" ID (Male-Female)	<ul style="list-style-type: none"> -Kiểu 20PH & 20SH -Vật liệu thân Inox/ Thép mạ crom -Áp suất làm việc: 1.5 Mpa -Nhiệt độ làm việc: -20~80°C -Môi trường làm việc khí nén -Cỡ ống: 1/4" 	bộ	250	28 ngày kể từ LOI	<ul style="list-style-type: none"> Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp
18	Khớp nối nhanh (đực - cái) cho dây khí Oxygen có đường kính trong 1/4"/ Quick connect for hose 1/4" ID (Male-Female)	<ul style="list-style-type: none"> -Kiểu 22PH & 22SH -Vật liệu thân Inox/ Thép mạ crom -Áp suất làm việc: 1.5 Mpa -Nhiệt độ làm việc: -20~80°C -Môi trường làm việc khí nén -Cỡ ống: 1/4" 	bộ	250	28 ngày kể từ LOI	<ul style="list-style-type: none"> Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp



STT	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa	Đặc Tính Kỹ Thuật	ĐVT (Unit)	Tổng Đại Hùng Nam dự kiến mua	Thời gian giao hàng	Ghi chú
19	Van chống cháy ngược Oxy	-Kết nối đầu vào: G 3/8" RH, -Kết nối đầu ra: G 3/8" RH, kèm đầu nối vào dây khí đôi 1/4" ID -Lưu lượng tối đa: ≥ 7000 l/h -Áp suất làm việc tối đa: ≥ 10 bar (140 psi) -Chức năng: Non-return Valve [NV], Flame Arrestor [FA] -Conform with EN 730-1/ ISO 5175-1/ Equivalent Bộ bao gồm đầu bình & đầu mở	bộ	200	28 ngày kể từ LOI	
20	Van chống cháy ngược Gas	-Kết nối đầu vào: G 3/8" LH, -Kết nối đầu ra: G 3/8" LH, kèm đầu nối vào dây khí đôi 1/4" ID -Lưu lượng tối đa: ≥ 2600 l/h -Áp suất làm việc tối đa: LPG: ≥ 3.5 bar (50 psi) -Chức năng: Non-return Valve [NV], Flame Arrestor [FA] -Conform with EN 730-1/ ISO 5175-1/ Equivalent Bộ bao gồm đầu bình & đầu mở	bộ	200	28 ngày kể từ LOI	Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp
21	Bạt chống cháy	Khô 1mx50mx1mm Description HT800 Fabric Construction 90 X 65ends/cm Temperature Exposure 550°C Flame Spread Class 1 surface spread of flame Density(nominal) 880g/m2 (±10%) Thickness (nominal) 1.0mm Width(Nominal) 1.0meter Weave Satin Color Golden Brown Process Heat Treated Length/Roll 50meters Weft Yarn CC 11 48 2X3 Warp Yarn CC 11 48 2X3 Breaking Strength N/2.5cm/4300X280	Cuộn	90	28 ngày kể từ LOI	Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp
22	Áp kế Oxy cao cấp	-Áp kế 2" 0-4000psi (BU-2581-AM) cho bộ giảm áp Oxygen/ CO2/Argon, có đơn vị đo PSI và kPa, mặt áp kế được dập gờ ở viền chống móp méo trong quá trình sử dụng -Kết nối đầu vào 1/4" NPT bằng đồng nguyên khối -Vỏ thép sơn màu Gold, -Side entry -Conform with ASME B40.1/ ISO 5171/ Equivalent Yêu cầu phải kiểm định trước khi giao hàng (Thực hiện bởi tổ chức/ công ty được cơ quan chức năng có thẩm quyền cho phép)	Cái	10	28 ngày kể từ LOI	
23	Áp kế Oxy thấp áp	-Áp kế 2" 0-200psi (CU-2581-HB) cho bộ giảm áp Oxygen, có đơn vị đo PSI và kPa, mặt áp kế được dập gờ ở viền chống móp méo trong quá trình sử dụng -Kết nối đầu vào 1/4" NPT bằng đồng nguyên khối -Vỏ thép sơn màu Gold, -Side entry -Conform with ASME B40.1/ ISO 5171/ Equivalent Yêu cầu phải kiểm định trước khi giao hàng (Thực hiện bởi tổ chức/ công ty được cơ quan chức năng có thẩm quyền cho phép)	Cái	10	28 ngày kể từ LOI	



STT	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa	Đặc Tính Kỹ Thuật	ĐVT (Unit)	Tổng Đại Hùng Nam dự kiến mua	Thời gian giao hàng	Ghi chú
24	Áp kế Propane thấp áp	-Áp kế 2" 0-60psi (CU-2581-LG) cho bộ giảm áp Acetylen/LPG, có đơn vị đo PSI và kPa, mặt áp kế được dập gờ ở viền chống móp méo trong quá trình sử dụng -Kết nối đầu vào 1/4" NPT bằng đồng nguyên khối -Vỏ thép sơn màu Gold, -Side entry -Conform with ASME B40.1/ ISO 5171/ Equivalent Yêu cầu phải kiểm định trước khi giao hàng (Thực hiện bởi tổ chức/ công ty được cơ quan chức năng có thẩm quyền cho phép)	Cái	10	28 ngày kể từ LOI	Chứng chỉ kiểm định thực hiện bởi tổ chức/ công ty được cơ quan chức năng có thẩm quyền cho phép (bản gốc)
25	Áp kế propane cap áp	-Áp kế 2" 0-400psi (CU-2581-HF) cho bộ giảm áp Acetylen/LPG, có đơn vị đo PSI và kPa, mặt áp kế được dập gờ ở viền chống móp méo trong quá trình sử dụng -Kết nối đầu vào 1/4" NPT bằng đồng nguyên khối -Vỏ thép sơn màu Gold, -Side entry -Conform with ASME B40.1/ ISO 5171/ Equivalent Yêu cầu phải kiểm định trước khi giao hàng (Thực hiện bởi tổ chức/ công ty được cơ quan chức năng có thẩm quyền cho phép)	Cái	10	28 ngày kể từ LOI	
26	Áp kế cho đồng hồ CO2	Phù hợp với Đồng Hồ CO2 CGA320, 220V-50Hz (Binzel) -Áp kế 2" 0-4000psi (BU-2581-AM) cho bộ giảm áp Oxygen/ CO2/Argon, có đơn vị đo PSI và kPa, mặt áp kế được dập gờ ở viền chống móp méo trong quá trình sử dụng -Kết nối đầu vào 1/4" NPT bằng đồng nguyên khối -Vỏ thép sơn màu Gold, -Side entry -Conform with ASME B40.1/ ISO 5171/ Equivalent Yêu cầu phải kiểm định trước khi giao hàng (Thực hiện bởi tổ chức/ công ty được cơ quan chức năng có thẩm quyền cho phép)	Cái	10	28 ngày kể từ LOI	
27	Cột áp của cụm van đồng hồ CO2	Cột áp của cụm van đồng hồ CO2, phù hợp với đồng hồ Binzel model 514.0349.1 Cơ cấu: giảm áp – điều chỉnh áp suất núm vặn van bi.	Cái	15	28 ngày kể từ LOI	
28	Đá đánh lửa	Hộp 10 viên	Hộp	40	28 ngày kể từ LOI	
29	Quẹt đánh lửa cho thợ cắt	Quẹt đánh lửa bằng đá, làm bằng vật liệu inox	cái	90	28 ngày kể từ LOI	
30	Kim thông bếp đèn cắt	Bộ kim thông bếp cắt, gồm 25 chi tiết Vỏ ngoài bằng nhựa, màu xanh dương	Bộ	30	28 ngày kể từ LOI	
31	Phấn đá (Hộp 20 viên)	Kích thước 100mmx10mmx3mm, dùng vẽ lấy dấu trên sắt thép. Hộp 20 viên.	hộp	600	28 ngày kể từ LOI	

STT	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa	Đặc Tính Kỹ Thuật	ĐVT (Unit)	Tổng Đại Hùng Nam dự kiến mua	Thời gian giao hàng	Ghi chú
32	Thước dây 30m	Thước dây thép bọc nhựa Yamayo Model NR30 hoặc tương đương. Chiều dài: 30m Chiều rộng: 10mm Bề dày: 0.5mm Lực kéo: 50N Chất liệu: Thép bọc nhựa. Thước được hiệu chuẩn và gắn tem bởi cơ quan có thẩm quyền - Chứng chỉ bản gốc đi kèm	Cái	8	28 ngày kể từ LOI	
33	Thước 5 mét	Thước cuộn thép stanley hoặc tương đương. Chiều dài 5m, bản rộng 19mm.	cái	10	28 ngày kể từ LOI	
34	Li vô 1.2m	Thước thủy dài 1.2m Hãng Stanley hoặc tương đương Độ chính xác: 1mm/m Vật liệu: Nhôm cao cấp loại dày có từ tính Có nam châm	cái	2	28 ngày kể từ LOI	
35	Li vô 0.6m Уровень	Thước thủy dài 0.6m Hãng Stanley hoặc tương đương Độ chính xác: 1mm/m Vật liệu: Nhôm cao cấp loại dày có từ tính Có nam châm	cái	2	28 ngày kể từ LOI	
36	Chổi sắt OD125	Chổi đánh ri sợi xoắn Ø 125 , dạng đĩa (Wire brush Ø125). Kết hợp với máy mài góc; Đầu nối ren trong M14. Màu xanh có in logo chìm Hãng NSK hoặc tương đương phù hợp với thiết bị hiện có của XNXL. Tiêu chuẩn nhà chế tạo: AS 1788.1 / EN 12413.	cái	600	28 ngày kể từ LOI	Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp
37	Chổi Inox OD125	Chổi đánh ri sợi xoắn Ø 125 sợi inox , dạng đĩa (Wire brush Ø125). Kết hợp với máy mài góc; Đầu nối ren trong M14. Màu Đỏ có in logo chìm Hãng NSK hoặc tương đương phù hợp với thiết bị hiện có của XNXL.	cái	50	28 ngày kể từ LOI	
38	Chổi sắt OD75	Chổi đánh ri sợi xoắn Ø 75 , dạng chén Kết hợp với máy mài góc; Đầu nối ren trong M14. Màu xanh có in logo chìm Hãng NSK hoặc tương đương phù hợp với thiết bị hiện có của XNXL.	cái	50	28 ngày kể từ LOI	Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp
39	Chổi inox OD75	Chổi đánh ri sợi xoắn Ø 75 sợi inox , dạng chén Kết hợp với máy mài góc; Đầu nối ren trong M14. Màu xanh có in logo chìm Hãng NSK hoặc tương đương phù hợp với thiết bị hiện có của XNXL.	cái	20	28 ngày kể từ LOI	
40	Chổi đồng OD75	Chổi đánh ri sợi xoắn Ø 75 sợi đồng , dạng chén Kết hợp với máy mài góc; Đầu nối ren trong M14. Màu xanh có in logo chìm Hãng NSK hoặc tương đương phù hợp với thiết bị hiện có của XNXL.	cái	20	28 ngày kể từ LOI	
41	Nêm gỗ chèn ống	Gỗ thông công nghiệp, hình thang vuông kích thước 150x50mm & H=150mm, T=150mm. 28/01/2021 10:09:08 AM	Cái	1,800	28 ngày kể từ LOI	



STT	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa	Đặc Tính Kỹ Thuật	ĐVT (Unit)	Tổng Đại Hùng Nam dự kiến mua	Thời gian giao hàng	Ghi chú
42	Ván gỗ tấm	Ván gỗ kích thước 3000x200x40 & Chất liệu gỗ thông tự nhiên	Tám	60	28 ngày kể từ LOI	
43	Pallet gỗ	Kích thước: 1200x1000x180mm Chất liệu: gỗ Ứng dụng: dùng để xếp, dỡ hàng hóa, vật tư, công cụ dụng cụ Pallet được đóng chắc chắn	Cái	50	28 ngày kể từ LOI	
44	Giấy cắt dưỡng	Khổ 1.2m, màu xanh rêu - Cuộn 30kg	Cuộn	17	28 ngày kể từ LOI	
45	Chổi đót (chổi mềm)	N/A	cái	120	28 ngày kể từ LOI	
46	Chổi dừa	N/A	cái	120	28 ngày kể từ LOI	
47	Dây dù OD 16mm	Nylon Rope OD16; Đường kính: 16mm, cuộn 100m	Cuộn	46	28 ngày kể từ LOI	
48	Dây dù OD 18mm	Nylon Rope OD18; Đường kính: 18mm, cuộn 100m	cuộn	15	28 ngày kể từ LOI	
49	Dây dù OD 12mm	Nylon Rope OD12; Đường kính: 12mm, cuộn 100m	Cuộn	15	28 ngày kể từ LOI	
50	Kìm cắt kềm	Hãng Licota hoặc tương đương Kích thước: 180x55x25mm	Cái	10	28 ngày kể từ LOI	
51	Đèn pin đội đầu	Vật liệu bằng nhựa cao cấp, chịu nhiệt độ cao, chịu lực cao, sử dụng bền lâu. Pin sử dụng tối thiểu trong vòng 12 giờ mà không cần sạc.	cái	20	28 ngày kể từ LOI	
52	Chổi sơn 2.5" _Thanh Bình hoặc tương đương	Dùng cho sơn công nghiệp 2 thành phần, chịu được dung môi Độ rộng của chổi 2.5"; Độ dài chổi 225mm Độ dày chổi 14mm; Chất liệu : Lông heo thuộc trắng, cán gỗ	cái	100	28 ngày kể từ LOI	
53	Chổi quét sơn 1"	Chổi quét sơn 1" _Thanh bình hoặc tương đương Mã 1CM10 hoặc tương đương	cái	100	28 ngày kể từ LOI	
54	Búa tạ 5 kg	Cán gỗ dài 50cm.	Cái	15	28 ngày kể từ LOI	
55	Ổ khóa Việt-Tiếp	Khóa treo đồng thường 0152M đi kèm 3 chìa, chất liệu đồng & màu sắc vàng.	Cái	30	28 ngày kể từ LOI	
56	Bút dạ lấy dấu	Bút lông dầu Thiên Long PM-04	Cái	50	28 ngày kể từ LOI	

STT	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa	Đặc Tính Kỹ Thuật	ĐVT (Unit)	Tổng Đại Hùng Nam dự kiến mua	Thời gian giao hàng	Ghi chú
57	Bút xóa	Bút Xóa Thiên Long CP-02 hoặc tương đương	Cái	2,400	28 ngày kể từ LOI	
58	Áo Phản quang	Áo gile lưới phản quang màu xanh/ đỏ/ vàng (Size L). Số lượng màu sắc sẽ được thông báo trước khi giao hàng Vạch phản quang được làm từ sợi chất dạ quang chất lượng. Luôn đảm bảo độ bất nhạy ánh sáng tốt nhất.	Cái	120	28 ngày kể từ LOI	
59	Que thổi than	- UNI-ARC, loại UR-95 '- Kích thước 9.5 x 305mm '- Hộp 50 que hãng Mako hoặc tương đương	kg	1,200	28 ngày kể từ LOI	Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp
60	Que thổi than	- UNI-ARC, loại UR-80 '- Kích thước 8 x 305mm '- Hộp 50 que hãng Mako hoặc tương đương	kg	800	28 ngày kể từ LOI	Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp
61	Bàn chải sắt	Tay nắm bằng gỗ, lông bàn chải bằng sắt	cái	38	28 ngày kể từ LOI	
62	Điện cực	EMC-P2	Cái	130	28 ngày kể từ LOI	
63	Bếp cắt	EMC-P1.2	Cái	39	28 ngày kể từ LOI	
64	Bếp cắt	EMC-P1.6	Cái	39	28 ngày kể từ LOI	
65	Bếp cắt	EMC-P1.8	Cái	65	28 ngày kể từ LOI	
66	Nắp chụp ngoài	EMC-P5	Cái	40	28 ngày kể từ LOI	
67	Nắp chụp trong	EMC-P4	Cái	40	28 ngày kể từ LOI	
68	Vòi phun	EMC-P6	Cái	40	28 ngày kể từ LOI	
69	Chụp bảo vệ	EMC-P3	Cái	40	28 ngày kể từ LOI	
70	Thân vỏ Plasma	EMC-Plus	Cái	1	28 ngày kể từ LOI	
71	Bạt xanh khổ 4mx50m Брезент	Chất liệu PE 100% che công trình. Cuộn 4x50m, 28kg/cuộn Bạt 2 lớp một mặt màu xanh và 1 mặt màu cam Bạt chống thấm rất tốt dùng để che mưa, che nắng	Cuộn	150	28 ngày kể từ LOI	
72	Bạt xanh có khuy, kích thước 5x10m	Vật liệu nhựa PE; Kích thước 5x10m; Khối lượng ≥ 170 g/m ² ; May viền 40mm xung quanh; Trên viền có gắn các khuy sắt, khoảng cách giữa các khuy là 1-1.5m	Tám	650	28 ngày kể từ LOI	



STT	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa	Đặc Tính Kỹ Thuật	ĐVT (Unit)	Tổng Đại Hùng Nam dự kiến mua	Thời gian giao hàng	Ghi chú
73	Bạt xanh khổ 2m	Chất liệu PE 100% che công trình, kích thước khổ 2m.	m2	2,000	28 ngày kể từ LOI	
74	Kính trắng cho thợ hàn	Kích thước kính 3x35x105mm	Cái	25,000	28 ngày kể từ LOI	
75	Kính đen	Kích thước kính 3x35x105mm	Cái	100	28 ngày kể từ LOI	
76	Băng keo giấy (Băng rộng 50mm)	Độ rộng 50mm, màu trắng, dùng để dán các đầu ống (vị trí sẽ hàn); 45m/cuộn	Cuộn	262	28 ngày kể từ LOI	
77	Bút thử nhiệt 66°C	Bút thử nhiệt tại nhiệt độ 66°C	Cái	150	28 ngày kể từ LOI	Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp
78	Bút thử nhiệt 150 độ C	Bút thử nhiệt tại nhiệt độ 150°C	Cái	150	28 ngày kể từ LOI	
79	Bút thử nhiệt 110 độ C	Bút thử nhiệt tại nhiệt độ 110°C	Cái	150	28 ngày kể từ LOI	
80	Bút thử nhiệt 220 độ C	Bút thử nhiệt tại nhiệt độ 220°C	Cái	150	28 ngày kể từ LOI	
81	Xô đựng đầu mẫu que hàn	Vật liệu tôn tráng kẽm dày 1,2mm. Kích thước $\phi 250 \times 250$ mm, có quai	Cái	50	28 ngày kể từ LOI	
82	Mỏ thổi cực than	Cường độ dây thổi max: 1400A Chiều dài dây: 2m Đầu kim hàn được làm bằng hợp kim đồng. Đầu kẹp chắc chắn để giữ que hàn ở mọi vị trí. Tay cầm/ tay kim làm bằng sợi thủy tinh, cách nhiệt tốt.	Cái	18	28 ngày kể từ LOI	Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp

NHÓM III: VẬT TƯ GIÀN GIÁO VÀ CHỐNG ĂN MÒN VÀ CÁC LOẠI VẬT TƯ KHÁC

83	Đá mài xếp nhám	Đường kính đĩa: 100mm, dày 22mm; Đường kính lỗ: 16mm; Grit #40 Tốc độ quay tối đa (max.speed) 12000 rpm	viên	1,200	28 ngày kể từ LOI	Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp
84	Đá mài xếp nhám	Đường kính đĩa: 125mm. Đường kính lỗ: 22mm. Độ nhám: Grit #40. Tốc độ quay tối đa: 13000 vòng/ phút. Tiêu chuẩn nhà chế tạo: AS 1788.1 / EN 12413.	viên	600	28 ngày kể từ LOI	
85	Dây thép mềm mạ kẽm $\phi 2$ Оцинкованная стальная проволока	Dây thép mạ kẽm, đường kính 2.0 mm, đóng gói dạng cuộn, 25kg/cuộn	Kg	4,500	28 ngày kể từ LOI	
86	Dung môi tổng hợp Растворитель	Hỗn hợp Toluene: Axeton: Cồn 96% theo tỷ lệ 4:3:3	Lít	2,500	28 ngày kể từ LOI	

STT	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa	Đặc Tính Kỹ Thuật	ĐVT (Unit)	Tổng Đại Hùng Nam dự kiến mua	Thời gian giao hàng	Ghi chú
87	Giẻ lau Ветошь	Vải Thun, cotton, KT: 30 x 30 cm, may 3 lớp	Kg	700	28 ngày kể từ LOI	
88	Rulo sơn_Thanh Bình hoặc tương đương	Mã sp: 2LC01; Kích thước : 300x110mm; Độ dày lớp bông 14mm; Độ rộng 110mm; Đường kính lõi nhựa :12-13mm	Cái	70	28 ngày kể từ LOI	
89	Bông ru-lo sơn_Thanh Bình hoặc tương đương	Độ dày lớp bông 14mm; Độ rộng 110mm; Đường kính lõi nhựa :12-13mm. Dùng quét sơn	Cái	150	28 ngày kể từ LOI	
90	Giấy nhám cuộn	Giấy nhám dạng cuộn, grit #100 Dùng để chà nhám bề mặt sơn	M2	200	28 ngày kể từ LOI	
91	Mì ca trong suốt 0.2mm	Vật liệu mica trong suốt; dày 0.2mm; Dạng cuộn, độ rộng 800-1000 mm. Sử dụng cho nón phun cát	M2	300	28 ngày kể từ LOI	
92	RAC 5 Switch Tip 213 -Graco, 286213 (pép súng sơn)	Phù hợp với RAC 5 HandTite Tip Guard (243161); Hole angle : 20° ; Hole size : 0,013 inch	Pcs	6	28 ngày kể từ LOI	
93	RAC 5 Switch Tip 217 -Graco , 286217 (pép súng sơn)	Phù hợp với RAC 5 HandTite Tip Guard (243161); Hole angle : 20° ; Hole size : 0,017 inch	Pcs	6	28 ngày kể từ LOI	
94	RAC 5 Switch Tip 325- Graco , 286325 (pép súng sơn)	Phù hợp với RAC 5 HandTite Tip Guard (243161); Hole angle : 30° ; Hole size : 0,025 inch	Pcs	6	28 ngày kể từ LOI	
95	Tungsten Carbide Nozzle (đầu vòi phun cát)	Bước ren lớn T=50mm;Đường kính lỗ (Orifice): 9,5mm;Dài (Length): 200mm; Đầu vào (Inlet)32mm;Lớp vật liệu bên trong là Tungsten Carbide; lớp vỏ bên ngoài là Aluminum	Pcs	15	28 ngày kể từ LOI	
96	Súng phun sơn_Silver Plus Gun, includes RAC 5 Dripless Tip-Graco hoặc tương đương	Súng phun sơn không không khí Áp suất làm việc (Working pressure): 5000psi Điều khiển (Trigger): 2-Finger Phụ kiện (Include): RAC 5 Dripless Tip, Switch Tip 517 Mã SP: 243283	Pcs	6	28 ngày kể từ LOI	Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp
97	Dây sơn 1/4"x50F (6.3mm x 15,2m)	Core: Nylon/Polyamide; Braid: Polyester Textile Fiber/ High Tensile Carbon Steel; Cover: Polyurethane 1/4" ID coupled with 1/4" npt(fbe) swivel female at both ends Kích thước : 6.3mm x 15.2m Max.working pressure: ≥ 3300 psi 82,20C	Cuộn	10	28 ngày kể từ LOI	Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp
98	Dây sơn 3/8"x50F (9.5mm x 15.2m)	Core: Nylon/Polyamide; Braid: Polyester Textile Fiber/ High Tensile Carbon Steel; Cover: Polyurethane 3/8" ID coupled with 3/8" npt(fbe) swivel female at both ends Kích thước : 9.5mm x 15.2m Max.working pressure: ≥ 3300 psi	Cuộn	12	28 ngày kể từ LOI	Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp



STT	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa	Đặc Tính Kỹ Thuật	ĐVT (Unit)	Tổng Đại Hùng Nam dự kiến mua	Thời gian giao hàng	Ghi chú
99	Sandblast Hose ID:25mm; OD: 39mm	Độ dài 40m/cuộn; đường kính trong 25 mm, đường kính ngoài 39 mm; Lớp trong cùng: NR/SBR/BR, màu đen, trơn nhẵn, chống tĩnh điện, chịu được mài mòn; Lớp tăng cường: Sợi dệt, quấn xung quanh; Lớp áo: SBR, màu đen, chống tĩnh điện, in dầu; Hệ số an toàn: 3.5:1; Phạm vi nhiệt độ: -35°C đến 80°C (nhiệt độ môi trường); Áp suất làm việc: 12 bar (175 psi).	Cuộn	15	28 ngày kể từ LOI	Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp
100	Bình sơn xịt màu trắng_ATM-A200 hoặc tương đương	Sơn Acrylic Lacquer; Đóng gói đóng dạng bình xịt; Thời gian khô bề mặt: 5-10 phút; Dung tích : 400ml	Bình	900	28 ngày kể từ LOI	
101	Bình sơn xịt màu đen_ATM-A200 hoặc tương đương	Sơn Acrylic Lacquer; Đóng gói đóng dạng bình xịt; Thời gian khô bề mặt: 5-10 phút; Dung tích: 400ml	Bình	150	28 ngày kể từ LOI	
102	Thép φ10	Thép đường kính 10.0 mm- Quy cách - Cây 11,7m	Cây	150	28 ngày kể từ LOI	
103	Cờ đuôi nheo	N/A	m	3,000	28 ngày kể từ LOI	
104	Băng keo cách điện	Chất liệu: PVC, Special PVC film Chiều rộng: 18mm	Cuộn	141	28 ngày kể từ LOI	
105	Cao su non, băng tan	Cuộn băng keo lụa vận ren vòi nước,ren ống cao cấp (Cao su non , băng tan) - Tránh bị rò rỉ nước ra bên ngoài	Cuộn	211	28 ngày kể từ LOI	
106	Bao đen đựng rác thải công nghiệp	Kích thước 90x120cm Loại túi màu đen, hình khối chữ nhật. Sản phẩm làm từ chất liệu PE có độ bền cao, dai và chắc	Kg	600	28 ngày kể từ LOI	
107	Giấy vệ sinh	Đặc tính: Giấy mềm mại, độ dai hoàn hảo, thấm hút tốt Số lớp: 2 lớp Số lượng: 12 cuộn/ bịch Lõi giấy: Có lõi Chất liệu: Hỗn hợp bột giấy nguyên thủy và tái chế	Cuộn	200	28 ngày kể từ LOI	
108	Lưới B40	Lưới B40 - 2M x 3mm	m	100	28 ngày kể từ LOI	
109	Dây sơ dừa	Dây sơ dừa phi 12 Cuộn 100m	Cuộn	8	28 ngày kể từ LOI	Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp
110	Cao su tấm	Neoprene dày 5 x 1000 x 5000 mm	m2	40	28 ngày kể từ LOI	

STT	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa	Đặc Tính Kỹ Thuật	ĐVT (Unit)	Tổng Đại Hùng Nam dự kiến mua	Thời gian giao hàng	Ghi chú
111	Cao su tấm	Cao su tấm 2x1000x2000mm	m2	80	28 ngày kể từ LOI	
112	Keo con chó	Đảm bảo liên kết tốt giữa thép và cao su Quy cách đóng thùng 3kg/ thùng	Kg	81	28 ngày kể từ LOI	
113	Mỡ bò	Mỡ bò bôi trơn chịu nhiệt & Đóng thùng nhựa kín	Kg	250	28 ngày kể từ LOI	
114	Xà bông	Đóng bịch 800g/ bịch	Bịch	130	28 ngày kể từ LOI	
115	Vôi bột	Vôi bột - Đóng bao để bảo quản và vận chuyển	kg	260	28 ngày kể từ LOI	
116	Dây cảnh báo	Màu sắc: Trắng đỏ, độ rộng 8cm. Độ dài:100m. Chất liệu: Nhựa PP	Cuộn	900	28 ngày kể từ LOI	
117	Dây cước 2 mm	N/A	M	3,000	28 ngày kể từ LOI	
118	Gương giấy toàn đặc điện tử	Gương giấy Leica GZM31 hoặc tương đương, kích thước 60x60mm - Có tem chống hàng giả Gửi tối thiểu 01 mẫu đi kèm Hồ sơ đề xuất kỹ thuật.	Cái	650	28 ngày kể từ LOI	Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp
119	Đinh sắt	Kích thước: 5 cm	Kg	4	28 ngày kể từ LOI	
120	Găng tay thợ hàn	Găng tay thợ hàn Chất liệu: vải sợi Para-Aramid Màu sắc: Xám Sản xuất theo tiêu chuẩn: CE EN407	Đôi	40	28 ngày kể từ LOI	
121	Axit tẩy mối hàn	Axit tẩy mối hàn CT501 hoặc tương đương. Chức năng tẩy mối hàn, tẩy rỉ sét, bụi bẩn trên bề mặt vật liệu inox. Quy cách 1 lít/ 1 can	Lít	50	28 ngày kể từ LOI	
122	Mo mài	Vật liệu nhựa cao cấp, có độ bền cao, bọc thêm viền nhôm mềm để uốn khi sử dụng. Màu sắc: màu trắng & Bao gồm cả gọng	Cái	120	28 ngày kể từ LOI	

STT	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa	Đặc Tính Kỹ Thuật	ĐVT (Unit)	Tổng Đại Hùng Nam dự kiến mua	Thời gian giao hàng	Ghi chú
123	Mo cắt	Vật liệu nhựa cao cấp, có độ bền cao, bọc thêm viền nhôm mềm để uốn khi sử dụng. Màu sắc: đen & Gọng	Cái	20	28 ngày kể từ LOI	
124	Đầu hàn (Béc hàn)	Ø 1.2mm 8hex M6x45, CuCr	Cái	2,000	28 ngày kể từ LOI	
125	Nozzle (Chụp khí)	Nozzle 500A cu Ø25x88mm	Cái	600	28 ngày kể từ LOI	
126	Khớp nối đầu hàn (Cán chụp khí - Chia khí)	Tip holder Ø12mm length 85mm copper with 6 holes, material BS	Cái	250	28 ngày kể từ LOI	
127	Chụp cách điện (PA 10.02)	Insulator 500A Ø25 x 37L	Cái	500	28 ngày kể từ LOI	
128	Chuôi súng	- Loại chuôi: Chuôi dài - Màu sắc: đen - Dùng với súng hàn tig loại WP: WP17, WP18, WP26	Cái	80	28 ngày kể từ LOI	
129	Kẹp kim tig loại 2.4mm	Kẹp kim hàn tig Chật liệu: đồng Phù hợp với kim hàn 2.4mm	Cái	325	28 ngày kể từ LOI	
130	Kim tig 2.4x175mm - Hộp 10 que	Kim tig Tungsten electrode 2.4x175mm Berlin (Germany) Hộp: 10 que	Hộp	65	28 ngày kể từ LOI	
131	Chụp tig số 7	Sứ hàn TIG số 7, Kích thước 7-D911 x 47mm, Màu đỏ, Phù hợp mỏ hàn TIG QQ300 DB PTA SR WP CK 17 18 26, Vòi phun Tig bằng nhôm.	Cái	178	28 ngày kể từ LOI	
132	Chụp tig số 6	Sứ hàn TIG số 6, Kích thước 6-D9.5 x 47mm, Màu đỏ, Phù hợp mỏ hàn TIG QQ300 DB PTA SR WP CK 17 18 26, Vòi phun Tig bằng nhôm.	Cái	188	28 ngày kể từ LOI	
133	Găng tay cao su	Hàng Việt Nam chất lượng cao Tác dụng chống lại các dung môi và tác nhân gây hại từ những công việc hết sức đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày tới những công việc gia dụng, chế biến thức ăn, rửa chén bát, giặt giũ, dọn dẹp vệ sinh, làm vườn,	Đôi	200	28 ngày kể từ LOI	
134	Băng keo xốp hai mặt (Khổ 5cm, 18m/ cuộn)	Băng Keo Xốp 2 Mặt – Bản 5cm x 6m/Cuộn – Màu trắng	Cuộn	162	28 ngày kể từ LOI	
135	Băng keo giấy (Khổ 5cm - cuộn 30m)	Băng Dính Giấy 5cm Bản To Siêu Dính, Cực Bền	Cuộn	227	28 ngày kể từ LOI	
136	Gáo inox	Gáo INOX cán dài đường kính 16mm trở lên	Cái	8	28 ngày kể từ LOI	

STT	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa	Đặc Tính Kỹ Thuật	ĐVT (Unit)	Tổng Đại Hùng Nam dự kiến mua	Thời gian giao hàng	Ghi chú
137	Keo gián silicon Apollo A300	Keo Apollo silicone Sealant A300 là chất trám trét dạng axit một thành phần có độ đàn hồi cao, có thể chịu được những điều kiện nhiệt độ khắc nghiệt, độ ẩm Ozon và tia cực tím. Keo Apollo silicone A300 không bị mất màu, rạn nứt khi sử dụng ngoài trời, có khả năng kết dính được hầu hết các chất liệu khi được xử lý thêm một lớp sơn lót thích hợp. Keo Apollo A300 đặc biệt thích hợp để dán các bề mặt kính. Silicone A300 đáp ứng các tiêu chuẩn sau: ASTM C 920-01 Type S,	Chai	88	28 ngày kể từ LOI	
138	Băng keo chống thấm Waterproof	Băng Keo Chống Thấm Nhật Bản, Băng dính chống Thấm Trên Mọi Bề Mặt Mái Tôn Trần Sàn , Miếng Dán Chống Dột Kích Thước 5cm x5m	Cuộn	100	28 ngày kể từ LOI	
139	Chốt thẻ cho Mani 85T	N/A	Cái	10	28 ngày kể từ LOI	
140	Chốt thẻ cho Mani 25T	N/A	Cái	30	28 ngày kể từ LOI	
141	Chốt thẻ cho Mani 35T	N/A	Cái	30	28 ngày kể từ LOI	
142	Bulong M10x30	N/A	Cái	2,800	28 ngày kể từ LOI	
143	Bộ quần áo mưa nilong loại A1	N/A	Cái	50	28 ngày kể từ LOI	
144	Dây dù 1mm - 200g/ cuộn	Chất liệu: dù Đường kính dây: 1mm Màu sắc: trắng Trọng lượng: 200gr	Cuộn	33	28 ngày kể từ LOI	
145	Bút dầu không phai	Viết tốt trên mọi chất liệu như: gỗ, giấy, da, nhựa, thủy tinh, gốm sứ, kim loại,... Mực đậm tươi, bám dính tốt. Không độc hại. Bút có 02 đầu: 0.8 và 6.0mm phù hợp với mục đích sử dụng khác nhau. Nắp mở tiện dụng, thuận tiện với người sử dụng. Sản xuất tại Việt nam.	Cái	91	28 ngày kể từ LOI	



STT	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa	Đặc Tính Kỹ Thuật	ĐVT (Unit)	Tổng Đại Hùng Nam dự kiến mua	Thời gian giao hàng	Ghi chú
146	Bánh xe đẩy máy hàn	bánh xe đẩy máy hàn - Dùng cho máy hàn Panasonic 500A	Cái	-	28 ngày kể từ LOI	
147	Cổ dê	Cổ dê cho dây khí đường kính 6.5 x 12mm -Toàn bộ đai xiết đều bằng vật liệu Inox 304 -Phần thân của khóa đai xiết có ghi vật liệu sản xuất là SUS 304	Cái	1,950	28 ngày kể từ LOI	
148	Cổ dê	Cổ dê cho dây khí đường kính 8 x 15mm -Toàn bộ đai xiết đều bằng vật liệu Inox 304 -Phần thân của khóa đai xiết có ghi vật liệu sản xuất là SUS 304	Cái	1,040	28 ngày kể từ LOI	
149	Cổ dê	Cổ dê cho dây khí đường kính 13.0 x 21.5mm -Toàn bộ đai xiết đều bằng vật liệu Inox 304 -Phần thân của khóa đai xiết có ghi vật liệu sản xuất là SUS 304	Cái	200	28 ngày kể từ LOI	
150	Băng keo	Độ dày: 43 Mic Khổ rộng sản phẩm: 4.8cm Chiều dài: 160m Màu sắc: trắng trong, vàng chanh	Cuộn	50	28 ngày kể từ LOI	
151	Băng keo trắng	Băng Keo Giấy 48 mm x 25 Yards	Cuộn	72	28 ngày kể từ LOI	
152	Băng keo vàng	Băng keo giấy màu vàng 3M 24mmx18.2m	Cuộn	100	28 ngày kể từ LOI	
153	Băng keo xanh	Băng keo giấy 36 MM x 50 YAR	Cuộn	100	28 ngày kể từ LOI	
154	Tôn phẳng	Tôn phẳng 0.35x1200x6000mm	m2	400	28 ngày kể từ LOI	
155	Tôn phẳng	Tôn phẳng 1x1200x6000mm	m2	200	28 ngày kể từ LOI	
155	Đuôi chuột gas	Đuôi chuột dùng để nối dây khí 6.5 - bằng đồng	Cái	150	28 ngày kể từ LOI	
156	Đuôi chuột oxy	Đuôi chuột dùng để nối dây khí 8.0 - bằng đồng	Cái	150	28 ngày kể từ LOI	
157	Bánh xe đặc D=200	- Vật liệu cang: Mạ thép chống rỉ sét - Vật liệu bánh: Cao su (Cao su đặc), bề rộng bánh 51mm - Kiểu lắp: Lắp tám xoay di động, có thể xoay 360 độ - Tải trọng: 304 kg/ bánh	Cái	4	28 ngày kể từ LOI	

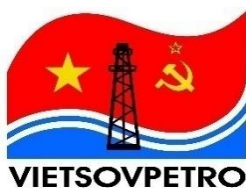


STT	Tên VTTB/dịch vụ hàng hóa	Đặc Tính Kỹ Thuật	ĐVT (Unit)	Tổng Đại Hùng Nam dự kiến mua	Thời gian giao hàng	Ghi chú
158	Dây rút 8x300mm	Kích thước: 117x387x7mm Kích cỡ: 8x300mm Màu: Trắng Đóng gói: 100 sợi/túi Chất liệu: Nhựa nylon PA66 Ứng dụng: Dùng để bó nối cáp viễn thông, đóng gói, niêm phong, cố định vật Ưu điểm: Mềm dẻo, độ hồi phục cao, chịu áp lực tốt	Sợi	3,000	28 ngày kể từ LOI	
159	Khớp nối nhanh (đực - cái) cho dây khí có đường kính trong 3/8"/ Quick connect for gas hose 3/8" ID (Male-Female)	-Kiểu 30PH & 30SH -Vật liệu thân Inox/ Thép mạ crom -Nhiệt độ làm việc: -20~80°C -Môi trường làm việc khí nén -Cỡ ống: 3/8"	bộ	60	28 ngày kể từ LOI	Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp
160	Khớp nối nhanh (đực - cái) cho dây khí có đường kính trong 1/2"/ Quick connect for gas hose 1/2" ID (Male-Female)	-Kiểu 40PH & 40SH -Vật liệu thân Inox/ Thép mạ crom -Áp suất làm việc: 1.5 Mpa -Nhiệt độ làm việc: -20~80°C -Môi trường làm việc khí nén -Cỡ ống: 1/4"	bộ	40	28 ngày kể từ LOI	Chứng chỉ CO & CQ bản copy có xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp
161	Khuyếch tán khí bằng sứ	Khuyếch tán khí bằng sứ Pana 500A hoặc tương đương Part number: PA.23.07. Phù hợp với súng hàn Panasonic 500A, 50SQ	Cái	300	28 ngày kể từ LOI	
162	Ruột dây dẫn hàn	Ruột dây dẫn hàn (ruột gà) Pana 500A, 1.2/1.6mm, 5mét hoặc tương đương Chiều dài: 5 mét Part number: 0026.063. Sử dụng được cho dây 1.2mm-1.6mm Phù hợp với súng hàn Panasonic 500A, 50SQ	Cái	100	28 ngày kể từ LOI	
163	Cổ cong súng hàn	Cổ cong súng Pana 500A, female hoặc tương đương Part number: PA.P500 Phù hợp với súng hàn Panasonic 500A, 50SQ	Cái	60	28 ngày kể từ LOI	
164	Sứ hàn lót	Sử dụng để lót trong mối hàn chữ X (hàn 2 phía). Làm từ sứ chịu nhiệt. Đường kính: Ø10mm. Ký mã hiệu: WS-606-10 hoặc tương đương.	Mét	100	28 ngày kể từ LOI	

Signed by: Trần Đức Thiện
Date: 19/06/2025 14:02:30
Certified by: Vietsovpetro CA

28/01/2021 10:09:08 AM

Trang 16/16



**DAI HUNG FIELD DEVELOPMENT PROJECT, BLOCK 05.1(A)
PHASE 3, OFFSHORE VIETNAM**

**“PHÊ DUYỆT”
GIÁM ĐỐC XNXL**

Signed by: Phạm Thanh Bình
Date: 12/06/2025 14:54:08
Certified by: Vietsovpetro CA


PHẠM THANH BÌNH

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ
CUNG CẤP VẬT TƯ TIÊU HAO (ĐÁ MÀI, ĐÁ CẮT, VẬT TƯ PHỤ
KHÁC) PHỤC VỤ CHẾ TẠO BỜ KẾT CẤU
CHÂN ĐẾ VÀ CỌC GIÀN WHP-DHN**

**SỐ TÀI LIỆU : WHP-DHN-B.II.8-TE
REV : 0**

PHÁT HÀNH CHO ĐẦU THẦU



	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CUNG CẤP VẬT TƯ TIÊU HAO (ĐÁ MÀI, ĐÁ CẮT, VẬT TƯ PHỤ KHÁC) PHỤC VỤ CHẾ TẠO BỜ KẾT CẦU CHÂN ĐÉ VÀ CỌC GIÀN WHP-DHN	DOC. NO.	WHP-DHN-B.II.8-TE
		REV.	0
		Page 3 of 4	

Hồ sơ đề xuất kỹ thuật (HSDXKT) của nhà thầu được đánh giá qua 2 bước cho mỗi loại/mục hàng hóa:


Bước 1: HSDXKT được đánh giá Đạt bước 1 nếu đáp ứng được điều kiện sau:

- Phạm vi cung cấp (Mục 2 của YCKT): Tuân thủ như yêu cầu của tài liệu yêu cầu kỹ thuật
- Năm sản xuất (Mục 5 của YCKT): Tuân thủ như yêu cầu của tài liệu yêu cầu kỹ thuật
- Thời hạn và địa điểm giao hàng (Mục 6 của YCKT): Tuân thủ như yêu cầu của tài liệu yêu cầu kỹ thuật.
- Yêu cầu về bảo hành (Mục 8 của YCKT): Tuân thủ như yêu cầu của tài liệu yêu cầu kỹ thuật

Bước 2: Bước 2 sẽ được đánh giá nếu HSDXKT của nhà thầu Đạt bước 1

Số điểm chi tiết của đánh giá kỹ thuật như sau:

Cấp độ đánh giá		Yêu cầu	Điểm đánh giá		Kết quả	Ghi chú
Mức 1	Mức 2		Mức 1	Mức 2		
1		Yêu cầu chung đối với vật tư (Mục 3 của YCKT)	50	100%		Ghi chú 1
	1.1	Đáp ứng đầy đủ như trong YCKT		100%	100%	
	1.2	Còn những lỗi nhỏ nhưng được chấp nhận		90%	90%	- Ghi chú 4 - 70% ~ 90%
	1.3	Không đáp ứng như trong YCKT		0%	0%	
2		Xuất xứ hàng hóa (Mục 4 của YCKT)	20	100%		Ghi chú 3
	2.1	Xuất xứ cho các mục được yêu cầu cụ thể trong “Phụ lục 1 - Danh mục hàng hóa” là Korea, Singapore, Australia, EU/G7.		100%	100%	
	2.2	Xuất xứ cho các mục được yêu cầu cụ thể trong “Phụ lục 1 - Danh mục hàng hóa” là Malaysia, Philippine, Indonesia, India, Thailand.		80%	80%	
	2.3	Xuất xứ cho các mục được yêu cầu cụ thể trong “Phụ lục 1 – Danh mục hàng hóa” không thuộc các nước đã nêu ở mục 2.1 & 2.2.		30%	30%	
3		Đóng gói và vận chuyển hàng hóa (mục 7 của YCKT)	10	100%		Ghi chú 2
	3.1	Đáp ứng như trong YCKT		100%	100%	
	3.2	Không đáp ứng		0%	0%	
4		Chứng chỉ (mục 9 của YCKT)	10	100%		Ghi chú 2
	4.1	Đáp ứng đầy đủ như trong YCKT		100%	100%	
	4.2	Không đáp ứng như trong YCKT		0%	0%	
5		Tài liệu kỹ thuật (mục 10 của YCKT)	10	100%		
	5.1	Đáp ứng đầy đủ như trong YCKT		100%	100%	
	5.2	Không hoàn toàn đáp ứng nhưng chấp nhận được.		50%	50%	
	5.3	Không đáp ứng như trong YCKT		0%	0%	
TỔNG ĐIỂM Ở MỨC 1 (100 cao nhất)			100			

	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CUNG CẤP VẬT TƯ TIÊU HAO (ĐÁ MÀI, ĐÁ CẮT, VẬT TƯ PHỤ KHÁC) PHỤC VỤ CHẾ TẠO BỜ KẾT CẦU CHÂN ĐẾ VÀ CỌC GIÀN WHP-DHN	DOC. NO.	WHP-DHN-B.II.8-TE
		REV.	0
		Page 4 of 4	

Ghi chú:

1. Đối với mục này được đánh giá trong phạm vi 0-100% tương ứng với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu.
2. Đáp ứng như trong YCKT được đánh giá là 100% và 0% nếu không đáp ứng
3. Đối với mục này được lấy từ mỗi trường hợp đã nêu tương ứng với các đề xuất kỹ thuật của nhà thầu.
4. Mỗi lỗi nhỏ sẽ bị trừ 10%.

Điều kiện DAT: Đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Đạt ở "Bước 1"
- Tổng điểm ở mức 1 bằng hoặc cao hơn 75 điểm.
- Không mục nào được đánh giá 0% ở mức 2.

Điều kiện LOAI: Một trong các điều kiện sau:

- Loại ở "Bước 1"
- Tổng điểm ở mức 1 thấp hơn 75 điểm.
- Một trong các mục được đánh giá 0% ở mức 2.

